

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000389853 cấp lần đầu ngày 12/06/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 19/11/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: /QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày ... tháng ... năm ...)

BẢN CÁO BẠCH VÀ CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô A4 đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình
Điện thoại: (036) 3642 311 Fax: (036) 3642 312
Website: www.damsanjsc.vn

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3936 6321 Fax: (84-4) 3936 6318
Website: www.ssi.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Bùi Thị Thu Huyền
Chức vụ: Người phụ trách Công bố thông tin
Điện thoại: (036) 3642 311 Fax: (036) 3642 312



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12/06/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 19/11/2015)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Damsan
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	ADS
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết:	16.070.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết:	160.700.000.000 đồng (theo mệnh giá)

❖ **TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3936 6321

Fax: (04) 3936 6311

Website: www.ssi.com.vn

❖ **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Địa chỉ: Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa – Nhân Chính, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84) 222 12 891

Fax: (84) 222 12 892

Website: www.ifcvietnam.com.vn



MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1. Rủi ro về kinh tế	1
2. Rủi ro về luật pháp.....	5
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	6
4. Rủi ro khác	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	9
1. Tổ chức niêm yết	9
2. Tổ chức tư vấn.....	9
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	13
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	13
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	16
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	17
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	22
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	23
6. Hoạt động kinh doanh.....	24
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	41
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	44
9. Chính sách đối với người lao động.....	48
10. Chính sách cổ tức.....	50
11. Tình hình hoạt động tài chính của Công ty	51
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	57
13. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)	68
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo.....	70
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	72
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty.....	72
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty	72
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	73
1. Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông.....	73



2. Mã chứng khoán: ADS.....	73
3. Mệnh giá.....	73
4. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	73
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật.....	73
6. Phương pháp tính giá	74
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	76
8. Các loại thuế có liên quan	77
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	79
1. Tổ chức tư vấn	79
2. Tổ chức kiểm toán	79
VII. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN	80
VIII. PHỤ LỤC	81

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Tăng trưởng GDP giai đoạn 2007 – 2017	1
Hình 2: GDP Việt Nam giai đoạn 2004 – 2015.....	2
Hình 3: Tỷ lệ lạm phát qua các năm	3
Hình 4: Thống kê biến động tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ qua các năm.....	5
Hình 5: Biến động giá bông thế giới năm 2008 - 2015	7
Hình 6: Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	16
Hình 7: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	18
Hình 8: Cơ cấu doanh thu (triệu đồng)	26
Hình 9: Diễn biến doanh thu (triệu đồng)	26
Hình 10: Lợi nhuận đến từ hoạt động kinh doanh (triệu đồng).....	26
Hình 11: Một số hình ảnh sản phẩm của Công ty	27
Hình 12: Chu trình sản xuất kinh doanh của Công ty.....	29
Hình 13: Chuỗi giá trị dệt may toàn cầu	30
Hình 14: Một số hình ảnh về nhà máy.....	37
Hình 15: Quy trình sản xuất sợi OE	37
Hình 16: Quy trình sản xuất sợi nội cọc	38
Hình 17: Quy trình sản xuất khăn.....	38
Hình 18: Máy kiểm tra sản phẩm Uster Tester	39
Hình 19: Nhãn hiệu đã đăng ký bản quyền	40



DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới và một số khu vực	2
Bảng 2: Các ưu đãi thuế đối với Nhà máy	25
Bảng 3: Năng lực sản xuất	27
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần giai đoạn 2014 –2015	32
Bảng 5: Sản lượng sản xuất và xuất khẩu	33
Bảng 6: Doanh thu theo thị trường và loại sản phẩm	33
Bảng 7: Chi phí nguyên vật liệu giai đoạn 2013 – 2015.....	34
Bảng 8: Danh sách một số nhà cung cấp Nguyên vật liệu.....	35
Bảng 9: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty từ năm 2014 đến Quý I/2016.....	36
Bảng 10: Danh sách một số hợp đồng đang được thực hiện.....	40
Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh từ 2014 đến nay	42
Bảng 12: Thông tin về các doanh nghiệp trong cùng ngành.....	45
Bảng 13: Các chỉ tiêu tài chính năm 2015 của doanh nghiệp dệt may và sợi niêm yết	47
Bảng 14: Cơ cấu lao động trong Công ty theo trình độ chuyên môn tại ngày 31/03/2016	48
Bảng 15: Chính sách trích khấu hao các loại tài sản	51
Bảng 16: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	52
Bảng 17: Tình hình vay nợ của Công ty tại 31/12.....	52
Bảng 18: Dư nợ vay và nợ của Công ty mẹ	52
Bảng 19: Các khoản phải thu của Công ty tại 31/12	54
Bảng 20: Các khoản phải trả của Công ty tại 31/12	54
Bảng 21: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty	55
Bảng 22: Danh sách đất đai tại ngày 31/12/2015	68
Bảng 23: Tài sản cố định hợp nhất tại ngày 31/12/2015	69
Bảng 24: Một số tài sản máy móc thiết bị Công ty đang sở hữu.....	69
Bảng 25: Kế hoạch lợi nhuận của Công ty giai đoạn 2015 – 2016	70
Bảng 26: Kế hoạch sản xuất giai đoạn 2016 – 2017.....	70

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế thế giới do Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu từ các nước như Mỹ, Châu Phi, Ấn Độ... và xuất hàng chủ yếu sang Trung Quốc.

1.1 Tăng trưởng kinh tế

Trong năm 2015 tình hình kinh tế thế giới tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp với nhiều nhân tố khó lường. Các động thái phát triển của thế giới đã cho thấy sự phục hồi kinh tế thế giới chưa thật sự ổn định và vững chắc, đặc biệt là tại các quốc gia tâm điểm của khủng hoảng nợ công như Hy Lạp, Tây Ban Nha và Ireland hay thậm chí tại Trung Quốc. Nhiều nền kinh tế mới nổi gặp trở ngại từ việc thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ do đó tăng trưởng kinh tế khu vực gặp khá nhiều khó khăn.

Hình 1: Tăng trưởng GDP giai đoạn 2007 – 2017



Nguồn: World Bank, Bloomberg

Những thách thức và khó khăn của nền kinh tế Trung Quốc như tình hình lạm phát, bong bóng bất động sản và thị trường chứng khoán đã đặt thế giới đứng trước những bài toán mới, đặc biệt gây ảnh hưởng sâu rộng với các nước Châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc và các quốc gia khu vực Đông Nam Á.

Dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế của một số khu vực thị trường nhập khẩu xơ sợi và sản phẩm dệt may lớn trên thế giới như Châu Âu, Mỹ, Nhật, Trung Quốc ... có ảnh hưởng không những đến việc định hướng thị trường tiêu thụ, kế hoạch đầu tư tăng năng suất và mở rộng các nhà máy của Công ty mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng và giá trị xuất khẩu của Công ty trong tương lai. Do gần 50% doanh thu Công ty đến từ hoạt động xuất khẩu, tình hình kinh tế thế giới thuận lợi sẽ có nhiều tác động tích cực đến sản lượng tiêu thụ của Công ty.



Bảng 1: Dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới và một số khu vực

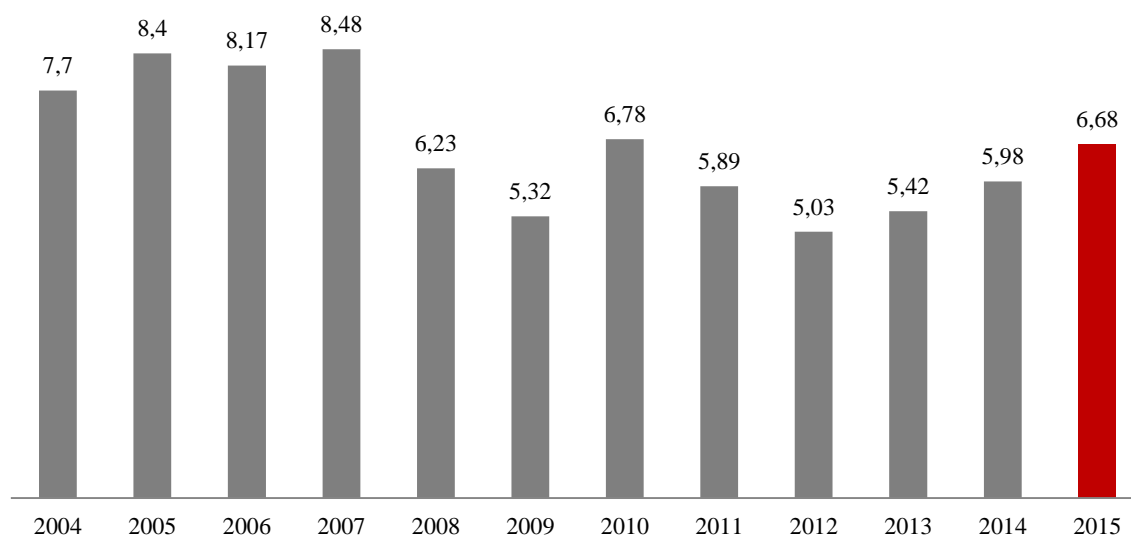
Đơn vị: %

	Thế giới	India	Trung Quốc	EU-15	Euro Zone	Mỹ	Nhật	Việt Nam
Năm 2016	2,9	7,3	6,4	2,0	1,9	2,6	1,3	6,7
Năm 2017	3,2	7,5	6,5	2,1	2,0	2,8	0,6	6,5

Nguồn: *World Economic Situation and Prospects 2016, United Nations, 01/2016*

Không nằm ngoài quy luật, nền kinh tế Việt Nam cũng đã từng bước hồi phục từ Quý 3 năm 2013 và đang trở lại đà tăng trưởng, dù mức tăng trưởng còn chậm. Giai đoạn 2012 – 2014 chính phủ đã có những chính sách rất cụ thể ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, xử lý nợ xấu và tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, cũng như của các thành phần kinh tế giải quyết hàng tồn kho, duy trì sản xuất kinh doanh. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội đã có bước chuyển biến tích cực rõ rệt. GDP năm 2015 tăng 6,68%, mức cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây.

Hình 2: GDP Việt Nam giai đoạn 2004 – 2015

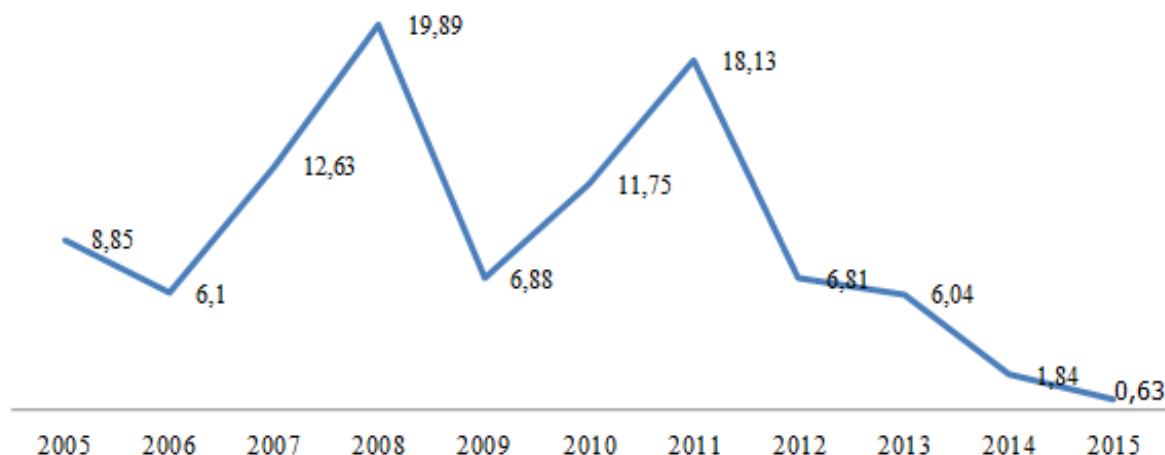


Nguồn: GSO

Là một Công ty hoạt động trong ngành dệt sợi, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp bởi tình hình sản xuất công nghiệp và thương mại trong nước và quốc tế. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế là công cụ quan trọng để Công ty dự báo các chiến lược phát triển cho từng thời kỳ nhất định. Trước bất kỳ một thay đổi nhỏ nào của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, ban lãnh đạo Công ty cũng tiến hành phân tích, nghiên cứu và đưa ra các hành động cụ thể cho từng giai đoạn phát triển của Công ty. Chính vì thế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty những năm vừa qua luôn bám sát nhu cầu của thị trường và phù hợp với năng lực tài chính và hoạt động của Công ty.

1.2 Lạm phát

Hình 3: Tỷ lệ lạm phát qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Lạm phát ở Việt Nam trong những năm gần đây có diễn biến phức tạp và biến động với biên độ khá lớn tạo ra những biến động bất thường về giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Giai đoạn năm 2012 – 2014, Chính phủ đã thực hiện nhiều giải pháp tích cực để kiềm chế lạm phát để duy trì tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng ở mức 6,81% năm 2012, 6,04% năm 2013 và 1,84% trong năm 2014. Trong năm 2015, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 0,63% so với cuối năm 2014. Đây là mức lạm phát thấp nhất trong 14 năm trở lại.

Đối với doanh nghiệp kinh doanh sản xuất sợi phục vụ dệt và may mặc, chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí điện nước và chi phí nhân công. Để giảm thiểu ảnh hưởng của lạm phát đến hoạt động, Công ty luôn chủ động tăng cường các hoạt động kiểm soát định mức chi phí và quản lý biến động giá cả đầu vào. Ban lãnh đạo Công ty thực hiện các công việc đánh giá hoạt động quản trị nội bộ thông qua việc đánh giá các chi phí phát sinh thực tế và kế hoạch nhằm tìm ra các biện pháp tăng cường quản trị chi phí và giảm thiểu tối đa các rủi ro có thể phát sinh.

1.3 Lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sử dụng nguồn vay lớn từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp.

Trong năm 2015 với điều kiện thị trường diễn biến thuận lợi, lãi suất cho vay của các tổ chức ngân hàng được điều chỉnh giảm thêm từ 1-2%/năm để hỗ trợ cho nền kinh tế. Chính sách tín



dụng sẽ tiếp tục được điều hành theo phương châm mở rộng tín dụng đi đôi với an toàn hiệu quả. Ngoài ra, Ngân hàng nhà nước tiếp tục triển khai các giải pháp tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn nhằm vượt qua những khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Tính chung cả năm 2015, mặt bằng lãi suất huy động giảm khoảng 0,2% - 0,5% so với cuối năm 2014. Cụ thể, lãi suất huy động các kỳ hạn ngắn dưới 6 tháng phổ biến trong khoảng 4% - 5,5%/năm, trong khi đó với các kỳ hạn từ 6 tháng trở lên, lãi suất dao động trong khoảng 5,4% - 7,2%/năm. Cùng chung xu hướng giảm của lãi suất huy động, lãi suất cho vay cũng giảm khoảng 0,3% - 0,5% so với cuối năm 2014. Theo NHNN, lãi suất cho vay các lĩnh vực ưu tiên phổ biến ở mức 6% - 7%/năm đối với ngắn hạn và 9% - 10%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8% - 9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3% - 11%/năm đối với trung và dài hạn.

Tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/05/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 mà Chính phủ ban hành, Ngân hàng Nhà nước sẽ tham gia vào các đầu mục việc như: duy trì lãi suất hợp lý, hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn, thực hiện đồng bộ lộ trình hạn chế tín dụng ngoại tệ. Sang quý I năm 2016, mặt bằng lãi suất cho vay đã có xu hướng tăng, nhưng tốc độ tăng không đáng kể. Theo Báo cáo của Bộ Kế hoạch – Đầu tư tại phiên họp chính phủ thường kỳ tháng 5/2016, lãi suất cho vay được điều chỉnh giảm trong khi lãi suất huy động VND tương đối ổn định.

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có số dư vay nợ các tổ chức tín dụng là 650 tỷ đồng trong đó 595 tỷ đến từ các khoản vay ngắn hạn và 55 tỷ đồng đến từ các khoản vay dài hạn. Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được dùng để mở Thư tín dụng L/C nhập khẩu bông phục vụ sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này có lãi suất thả nổi theo từng thời kỳ, phụ thuộc vào tổ chức tín dụng. Tuy nhiên trong giai đoạn hiện nay các khoản vay bằng đồng Việt Nam có lãi suất quanh mức 6-9% còn các khoản vay bằng tiền USD có lãi suất từ 2-4%. Ngoài ra Công ty còn có các khoản vay dài hạn dùng cho việc đầu tư mở rộng mua sắm thiết bị và xây dựng nhà xưởng từ các Ngân hàng Indovina, Agribank và VPBank với các mức lãi suất dao động từ 9-11%/năm. Tuy nhiên Công ty cũng có các khoản vay ưu đãi từ BIDV Thái Bình với lãi suất 5%/năm hoặc từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam với lãi suất 3,6%/năm.

Với hệ số nợ Vay/ Vốn chủ sở hữu ở mức 2,78 (theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015), việc thay đổi lãi suất cho vay sẽ ảnh hưởng đáng kể đến chi phí lãi vay của Công ty. Nếu lãi suất tăng thêm 1% thì chi phí lãi vay Công ty sẽ phát sinh thêm hơn 4 tỷ đồng/ năm.

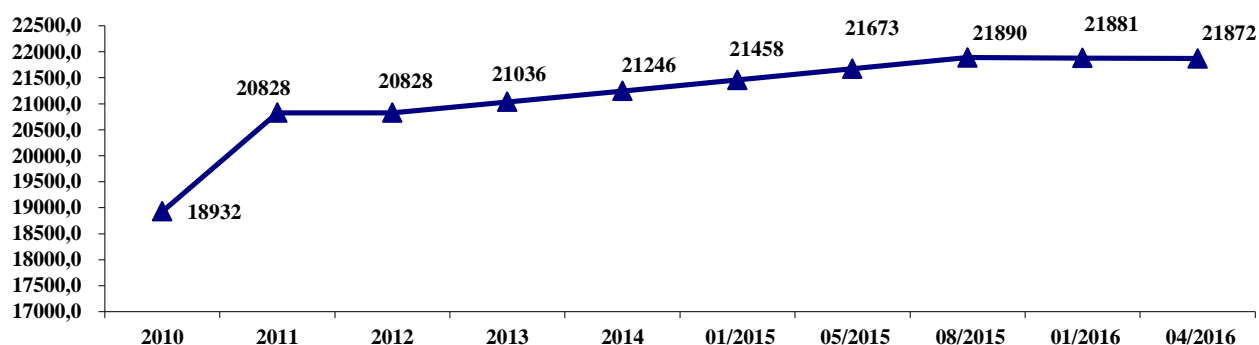
Đứng trước bài toán này, Ban lãnh đạo Công ty luôn tìm kiếm các nguồn vay mới để giảm thiểu chi phí lãi vay hàng năm. Trong năm 2015 Công ty đã thực hiện thành công việc phát hành cổ phần riêng lẻ tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 160 tỷ đồng. Nhờ đó Công ty sẽ bớt phụ thuộc vào các nguồn vốn vay từ ngân hàng.

1.4 Tỷ giá hối đoái

Rủi ro biến động tỷ giá là rủi ro ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu hay các giao dịch ngoại tệ. Mặc dù có các biện pháp phòng ngừa, nhưng do biến động thất thường của tình hình kinh tế thế giới (đặc biệt là kinh tế Trung Quốc) nên tỷ giá trong năm 2015 đã tăng kịch trần lên 5%. Biến động tỷ giá làm tăng chi phí tài chính do hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sử dụng nhiều ngoại tệ để nhập nguyên vật liệu đầu vào.

Tại ngày 31/12/2015 Công ty có số dư nợ vay bằng ngoại tệ 350 tỷ đồng. Như vậy nếu như tỷ giá tăng thêm 1%, Công ty sẽ phát sinh thêm khoản chi phí chênh lệch tỷ giá 3,5 tỷ đồng/ năm.

Hình 4: Thống kê biến động tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ qua các năm



Nguồn: Tổng hợp từ Ngân hàng Nhà nước

Mặc dù vậy do hơn 50% sản phẩm của Công ty xuất khẩu ra nước ngoài nên Công ty có thể chủ động ổn định nguồn ngoại tệ (chủ yếu là USD), đảm bảo cân bằng thanh toán. Ngoài ra, để hạn chế ảnh hưởng và rủi ro của biến động tỷ giá đến lợi nhuận, Công ty đã đề ra chính sách quản lý chặt chẽ, đa dạng hóa nguồn cung cấp từ các nước và có kế hoạch tăng cường việc xuất khẩu hàng hóa, thu nhiều ngoại tệ về hơn để cân đối nguồn ngoại tệ chi ra.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của công ty. Mặc dù các quy định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và của ngành sợi và dệt may nói riêng đã và đang trong quá trình hoàn thiện, bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy hoạch phát triển ngành, các hiệp định thương mại với các nước và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của công ty. Luật doanh nghiệp năm 2014 có hiệu lực từ 01/07/2015 có nhiều tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giảm thiểu các thủ tục hành chính và nâng cao hoạt động quản trị của doanh nghiệp. Để giảm thiểu rủi ro về luật pháp, Công



ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết.

Ngày 11 tháng 04 năm 2014 Bộ Công thương đã ra Quyết định số 3218/QĐ-BCT về việc phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó xác định việc phát triển các nhà máy sợi, dệt, nhuộm tại các khu công nghiệp, khu chế xuất đã có cơ sở hạ tầng như Phúc Khánh, Nguyễn Đức Cảnh – tỉnh Thái Bình. Quy hoạch đã đưa ra một hệ thống các giải pháp và chính sách về thị trường, đầu tư, nguồn nhân lực, tài chính, khoa học và công nghệ... để hỗ trợ các doanh nghiệp trong ngành phát triển.

Là một công ty đại chúng, ngoài sự tác động và chi phối chính của Luật Doanh nghiệp, Damsan còn chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường Chứng khoán. Việt Nam hiện vẫn là một nước đang phát triển, do đó, luật và các văn bản dưới luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách là vấn đề tất yếu và ít nhiều gây ra ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro pháp lý là rủi ro thuộc khía cạnh hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra do hoạt động kinh doanh của Công ty đang có xu hướng xuất khẩu với nhiều khách hàng và các nhà cung cấp từ nước ngoài. Công ty cũng cần tuân thủ nghiêm ngặt theo các tập quán, luật pháp quốc tế và các quy định của các hiệp hội hoặc tổ chức chuyên môn trong ngành sợi về chính sách bán hàng, chính sách quản lý chất lượng hay chính sách về nhân công lao động và bảo vệ môi trường. Trong năm 2015 Việt Nam đã ký kết các Hiệp định Đối tác kinh tế với các nước như Hàn Quốc, EU, Nhật Bản. Không chỉ thế Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đã được toàn bộ 12 quốc gia trong đó có Việt Nam tham gia thông qua tháng 10 năm 2015. Đây là các cơ hội đồng thời cũng là các rủi ro liên quan đến pháp lý mà Công ty cần theo dõi và nghiên cứu kỹ.

Để có sự thích nghi tốt nhất với những thay đổi về môi trường pháp lý ở Việt Nam và làm quen với các quy định của quốc tế, Damsan đã có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh các chính sách và điều luật mới thông qua các công ty tư vấn pháp luật hoặc các khóa đào tạo cập nhật kiến thức luật pháp cho nhân viên.

3. Rủi ro đặc thù ngành

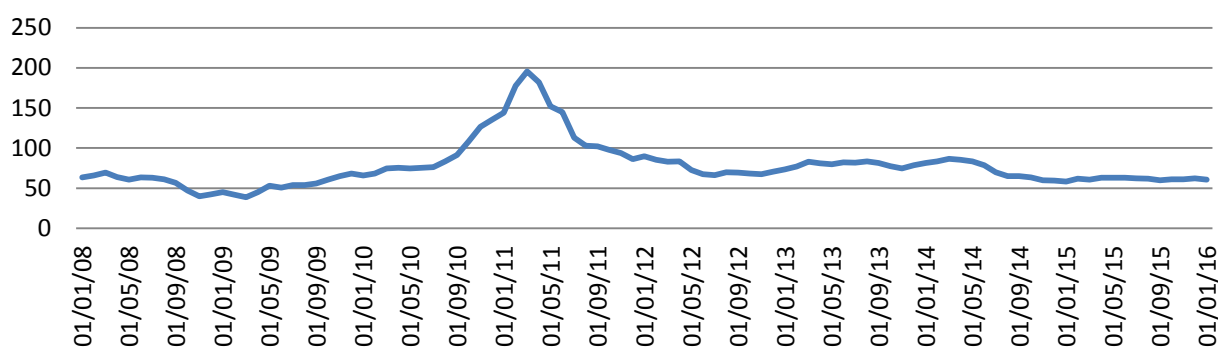
❖ Rủi ro từ biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào

Với lĩnh vực sản xuất sợi, bông là nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng 70% giá thành sợi thành phẩm. Tuy nhiên, bông là sản phẩm nông nghiệp do đó chất lượng, số lượng và giá cả bông phụ thuộc vào vụ mùa, thời tiết, chính sách điều tiết sản lượng cung ứng của các khu vực lớn trên thế giới như Trung Quốc, Mỹ, Châu Phi ... Giá bông biến động liên tục theo ngày và tương đối khó dự đoán, trong quá khứ, giá bông có mức biến động bất thường và có thời điểm đạt đỉnh



195,7 cents/pound vào tháng 3/2011 và liên tục giảm xuống mức 58,19 cents/pound tháng 1/2015 và tăng nhẹ lên 59,70 cents/pound vào tháng 9/2015. Trong khi đó các doanh nghiệp Việt Nam vẫn phải nhập khẩu tới 90% lượng bông phục vụ sản xuất do chúng ta chưa có vùng trồng bông rộng và đủ sản lượng đáp ứng.

Hình 5: Biến động giá bông thế giới năm 2008 - 2015



Nguồn: <http://www.cotton.org/econ/prices/monthly.cfm>

Đây là một rủi ro đặc thù của Công ty trong trường hợp giá bông thế giới tăng/ giảm đột biến khi các đơn hàng đã ký kết theo giá giao ngay. Nhằm giảm thiểu rủi ro từ sự biến động giá nguyên vật liệu đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Damsan đã chủ động mở rộng nguồn cung cấp nguyên vật liệu, từ các thị trường Tây Phi, Bắc Mỹ và Ấn Độ, để không phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhà cung cấp nào.

Ngoài ra Công ty cũng chủ động điều chỉnh giá bán dựa theo giá nguyên vật liệu đầu vào tại từng thời điểm khác nhau. Với một số mặt hàng đặc biệt, Công ty đã có hợp đồng dài hạn với các khách hàng, ổn định về giá bán ở mức cao, hạn chế rủi ro từ việc biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào.

❖ **Rủi ro cạnh tranh**

Trong những năm gần đây, Việt Nam là một trong rất ít quốc gia tại châu Á đã mở rộng hoạt động sản xuất của ngành kéo sợi. Không chỉ có các nhà đầu tư nước ngoài như Texthong Group (Hồng Kông), Kyung Bang Việt Nam (Hàn Quốc), Itochu (Nhật Bản) mà cả các doanh nghiệp trong nước như Vinatex, Đại Cường, Phú Bài, Thiên Nam cũng đã tăng vốn đầu tư vào ngành công nghiệp này. Hầu hết các doanh nghiệp xuất khẩu phần lớn lượng sợi sản xuất ra, tình hình cạnh tranh về chất lượng sản phẩm, giá bán diễn ra gay gắt.

Không chỉ thế, việc Hiệp định TPP và các hiệp định thương mại tự do khác được ký kết trong năm 2015 sẽ không chỉ tạo ra cơ hội mà cũng thêm nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp dệt may vì họ phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp mới (cả trong nước và nước ngoài) thành lập hoặc mở rộng nhà máy tại Việt Nam để được hưởng lợi ích từ các hiệp định này.

❖ **Rủi ro từ thị trường Trung Quốc**

Hiện nay 100% sợi sản xuất phục vụ việc xuất khẩu của Công ty được phân phối tại thị



trường Trung Quốc. Vì thế bất cứ biến động nào dù nhỏ nhất của nền kinh tế Trung Quốc cũng ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tháng 08 năm 2015 Trung Quốc đã tiến hành điều chỉnh tỷ giá đồng nhân dân tệ so với đồng USD và làm giảm tỷ giá đồng nhân dân tệ so với đồng USD gần 5%. Đây là đợt giảm giá mạnh nhất của đồng nhân dân tệ trong hơn hai thập niên. Đồng nhân dân tệ yếu sẽ khiến hàng hóa của vùng lãnh thổ Đài Loan, Singapore, Việt Nam và Thái Lan giảm khả năng cạnh tranh so với hàng hóa sản xuất tại Trung Quốc.

Cùng với việc giá nguyên liệu bông giảm trong quý III năm 2015, giá sợi bán ra trên thị trường Trung Quốc đã giảm rất nhiều do ảnh hưởng từ việc Trung Quốc điều chỉnh đồng nhân dân tệ. Doanh số Công ty trong quý III cũng giảm so với cùng kỳ năm trước. Việc điều chỉnh tỷ giá của Trung Quốc là một rủi ro không xác định được và mang đến nhiều yếu tố bất ngờ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giải quyết những khó khăn từ thị trường Trung Quốc, ban lãnh đạo Công ty đã chủ động tìm các đối tác khác tại các thị trường như Hàn Quốc, Nhật Bản và Úc để phục vụ việc xuất khẩu khăn. Điều này sẽ giảm thiểu các rủi ro từ việc xuất sợi sang thị trường Trung Quốc đồng thời đem lại nhiều giá trị thặng dư hơn cho Công ty do khăn bông của công ty có giá trị kinh tế cao.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các nhà máy và các dự án của Công ty như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại từ phá hủy một phần đến hoàn toàn, thậm chí ảnh hưởng đến sự an toàn của cán bộ công nhân viên và môi trường sinh thái trong khu vực.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Vũ Huy Đông - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ông Vũ Văn Hiệu - Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Ông Lê Xuân Chiến - Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho SSI và công bố trong Bản cáo bạch này là minh bạch và đúng sự thật, phù hợp với thực tế và triển vọng phát triển của Công ty.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện: Bà Nguyễn Ngọc Anh

Chức vụ: Giám đốc Khu vực phía Bắc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

Giấy ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn số 03/2014/UQ-SSI ngày 17/10/2014.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Damsan. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Damsan cung cấp tại thời điểm tham gia lập bản cáo bạch.



III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Tổ chức niêm yết	Công ty Cổ phần Damsan
Công ty kiểm toán	Công ty trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế
Công ty tư vấn/ Tổ chức tư vấn	Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội
Bản cáo bạch	Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
Điều lệ	Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Damsan thông qua.
Vốn điều lệ	Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Damsan
Cổ phiếu	Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Damsan phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Damsan.
Người có liên quan:	<p>Là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">- Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;- Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;- Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;- Người quản lý doanh nghiệp;- Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.- Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;- Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;- Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.



Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

BCTC	Báo cáo tài chính
BDS	Bất động sản
BKS	Ban kiểm soát
CBNV	Cán bộ nhân viên
DAMSAN/Công ty	Công ty Cổ phần Damsan
CP	Cổ phần
CPLH	Cổ phiếu lưu hành
Chi số P/E	Price/ Earning: Là chỉ số giá thị trường trên thu nhập của mỗi cổ phiếu
Chi số P/B	Price to Book: là tỷ lệ được sử dụng để so sánh giá của một cổ phiếu so với giá trị ghi sổ của cổ phiếu đó
DTT	Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
ĐKDN	Đăng ký doanh nghiệp
EPS	Earning Per Share - Là lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu $EPS = (\text{Lợi nhuận ròng} - \text{cổ tức cổ phiếu ưu đãi}) / \text{lượng cổ phiếu bình quân đang lưu thông}$.
GCN/Giấy CN	Giấy chứng nhận
GD/TGD	Giám đốc/ Tổng Giám đốc
GTSS	Giá trị sổ sách
GVHB	Giá vốn cung cấp dịch vụ
HĐ	Hợp đồng
HĐQT	Hội đồng quản trị
HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
KTT	Kế toán trưởng
LN	Lợi nhuận
LN HĐKD	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh = DTT từ cung cấp dịch vụ - GVHB
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
NM	Nhà máy
PX	Phân xưởng
SXKD	Sản xuất kinh doanh
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TNCN	(thuế) Thu nhập cá nhân



TNDN	(thuế) Thu nhập Doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBND	Ủy ban nhân dân
ROA	Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)
ROE	Tỷ lệ LNST/vốn chủ sở hữu bình quân
Vốn CSH	Vốn chủ sở hữu
VĐL	Vốn điều lệ
VND	Đồng Việt Nam



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- ❖ Tên công ty : Công ty Cổ phần Damsan
- ❖ Tên Tiếng Anh : Damsan JSC
- ❖ Địa chỉ : Lô A4 đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình
- ❖ Điện thoại : (036) 3642 311 Fax: (036) 3642 312
- ❖ Website : www.damsanjsc.vn
- ❖ Giấy CNĐKDN : số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12/06/2006 và thay đổi lần thứ 07 ngày 19/11/2015
- ❖ Vốn điều lệ : 160.700.000.000VND
(*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tỷ bảy trăm triệu đồng*)

❖ Ngành nghề kinh doanh: Căn cứ Giấy chứng nhận ĐKKD số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12/06/2006 và thay đổi lần thứ 07 ngày 19/11/2015, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sợi	1311
2	Sản xuất vải dệt thoi	1312
3	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
4	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
5	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
6	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (Chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn)	4641
7	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông)	4669
8	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh)	4771
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may	4659
10	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662



	Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; bán buôn kim loại màu (Trừ vàng)	
11	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
12	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
13	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
14	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
15	Xây dựng nhà các loại	4100
16	Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ)	4210
17	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng)	4290
18	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
19	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
20	Lắp đặt hệ thống điện	4321

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

- Tháng 03/2006, Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Thái Bình và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ Hà Nội (Artexport) đã đàm phán hợp tác đầu tư thực hiện dự án Nhà máy kéo sợi dệt may hoàn tất công suất 3.500 tấn/năm tại Thái Bình. Tháng 4/2006, UBND tỉnh Thái Bình đã ra quyết định phê duyệt dự án và cho Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Thái Bình thuê đất để xây dựng Nhà máy sợi tại Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh – Thái Bình. Tháng 05/2006, Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Thái Bình và các thành viên trong công ty XNK thủ công mỹ nghệ quyết định góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dệt sợi Damsan và quyết định để cho Công ty Cổ phần Dệt sợi Damsan làm chủ đầu tư và thực hiện dự án
- Tháng 06/2006, Công ty khởi công xây dựng nhà máy Damsan I với tổng vốn đầu tư 121 tỷ đồng với công suất 2.880 tấn sợi OE/năm và 2.220 tấn sợi CD/năm tại khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình với các máy móc chính nhập từ Cộng hòa LB Đức và Thụy Sĩ.
- Ngày 12/06/2006, Sở Kế hoạch Đầu tư Thái Bình cấp giấy phép kinh doanh lần đầu số 0803000284 cho Công ty Cổ phần Dệt sợi Damsan.
- Năm 2009, Công ty đạt danh hiệu “ Doanh nghiệp Việt Nam vàng” của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam



- Tháng 6/2010, Công ty tiếp tục mở rộng đầu tư nhà máy Damsan II với tổng vốn đầu tư là 10 triệu USD với công suất là 3.600 tấn sợi OE/năm và 720 tấn khăn/năm tại khu công nghiệp Gia Lễ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Các máy móc dây chuyền công nghệ hiện đại được nhập khẩu từ Cộng hòa LB Đức, Thụy Sĩ, Nhật Bản ...
- Ngày 30/05/2011 Công ty được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 1566/UBCK-QLPH. Việc trở thành công ty đại chúng thể hiện cam kết và tầm nhìn của Ban lãnh đạo Công ty về một doanh nghiệp hướng tới lợi ích tối đa cho cổ đông và khách hàng, đồng thời cũng là cam kết về nâng cao năng lực quản trị, minh bạch trong quản lý và thực hiện công bố thông tin theo quy định.
- Năm 2013 Công ty được chứng nhận đáp ứng các tiêu chí về năng lực cạnh tranh quốc tế và được trao tặng giải thưởng Sao vàng Đất Việt cùng danh hiệu Top 100 Thương hiệu Việt Nam trong hội nhập quốc tế
- Ngày 23 tháng 10 năm 2015 Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 100,7 tỷ đồng lên 160,7 tỷ đồng với mục tiêu đầu tư vào Công ty Cổ phần Sợi EIFFEL và nâng tổng công suất sản xuất sợi lên 16.560 tấn sợi/năm.
- Ngày 19/11/2015 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Damsan, phù hợp với định hướng phát triển và chiến lược của Công ty giai đoạn 2015 – 2020.

1.3 Quá trình tăng vốn điều lệ

Vốn điều lệ đăng ký lần đầu của Công ty tại ngày 12/06/2006 là 12.000.000.000 VND (Mười hai tỷ đồng). Đến nay, vốn điều lệ Công ty là 160.700.000.000 VND (Một trăm sáu mươi tỷ bảy trăm triệu đồng). Quá trình tăng vốn của Công ty như sau:

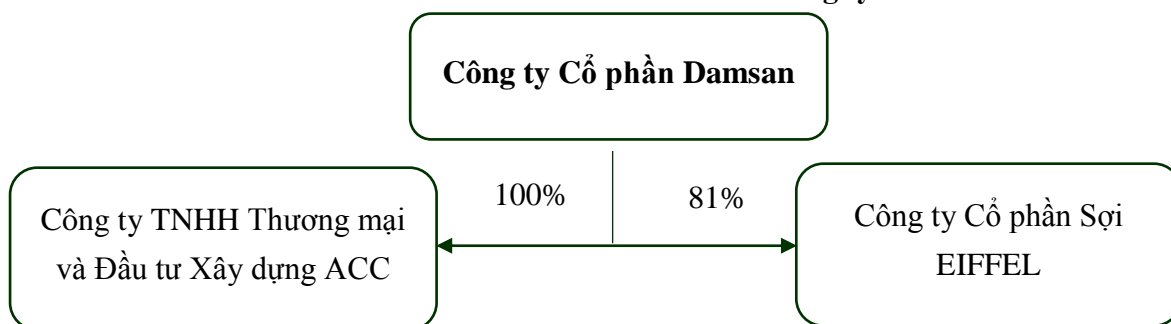
- **Lần 1: Ngày 10/08/2007 tăng vốn từ 12.000.000.000 VND (Mười hai tỷ đồng) lên 32.329.000.000 VND (Ba mươi hai tỷ ba trăm hai mươi chín triệu đồng) thông qua việc phát hành cho các cổ đông hiện hữu.**
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 12.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 32.329.000.000 đồng
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - Tổng số lượng cổ phần phát hành: 2.032.900 cổ phần
- **Lần 2: Ngày 20/08/2010 tăng vốn từ 32.329.000.000 VND (Ba mươi hai tỷ ba trăm hai mươi chín triệu đồng) lên 60.000.000.000 VND (Sáu mươi tỷ đồng) thông qua việc phát hành cho các cổ đông hiện hữu**
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 32.329.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 60.000.000.000 đồng
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - Tổng số lượng cổ phần phát hành: 2.767.100 cổ phần



- **Lần 3:** Ngày 21/06/2012 từ 60.000.000.000 VND (Sáu mươi tỷ đồng) lên 80.700.000.000 VND (Tám mươi tỷ bảy trăm triệu đồng) thông qua việc phát hành riêng lẻ
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 60.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 80.700.000.000 đồng
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - Tổng số lượng cổ phần phát hành: 2.070.000 cổ phần
- **Lần 4:** Ngày 24/06/2013 từ 80.700.000.000 VND (Sáu mươi tỷ đồng) lên 100.700.000.000 VND (Một trăm tỷ bảy trăm triệu đồng) thông qua việc phát hành riêng lẻ
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 80.700.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 100.700.000.000 đồng
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - Tổng số lượng cổ phần phát hành: 2.000.000 cổ phần
- **Lần 5:** Ngày 23/10/2015 từ 100.700.000.000 VND (Một trăm tỷ bảy trăm triệu đồng) lên 160.700.000.000 VND (Một trăm sáu mươi tỷ bảy trăm triệu đồng) thông qua việc chào bán cổ phần riêng lẻ
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 100.700.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 160.700.000.000 đồng
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - Tổng số lượng cổ phần phát hành: 6.000.000 cổ phần

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hình 6: Cơ cấu tổ chức của Công ty



**▪ Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC**

Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC (trước đây tên là Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu EVA) là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000781468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 26 tháng 08 năm 2010, thay đổi lần 03 ngày 03 tháng 01 năm 2014.

Địa chỉ: Số 56 Trần Hưng Đạo, Tổ 20B, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

Hoạt động chính: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống; và Bán buôn gạo.

▪ Công ty Cổ phần Sợi EIFFEL

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1001067263 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 06 năm 2015

Địa chỉ: Tầng 18 Tòa nhà dành cho người thu nhập thấp Damsan, số 56, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

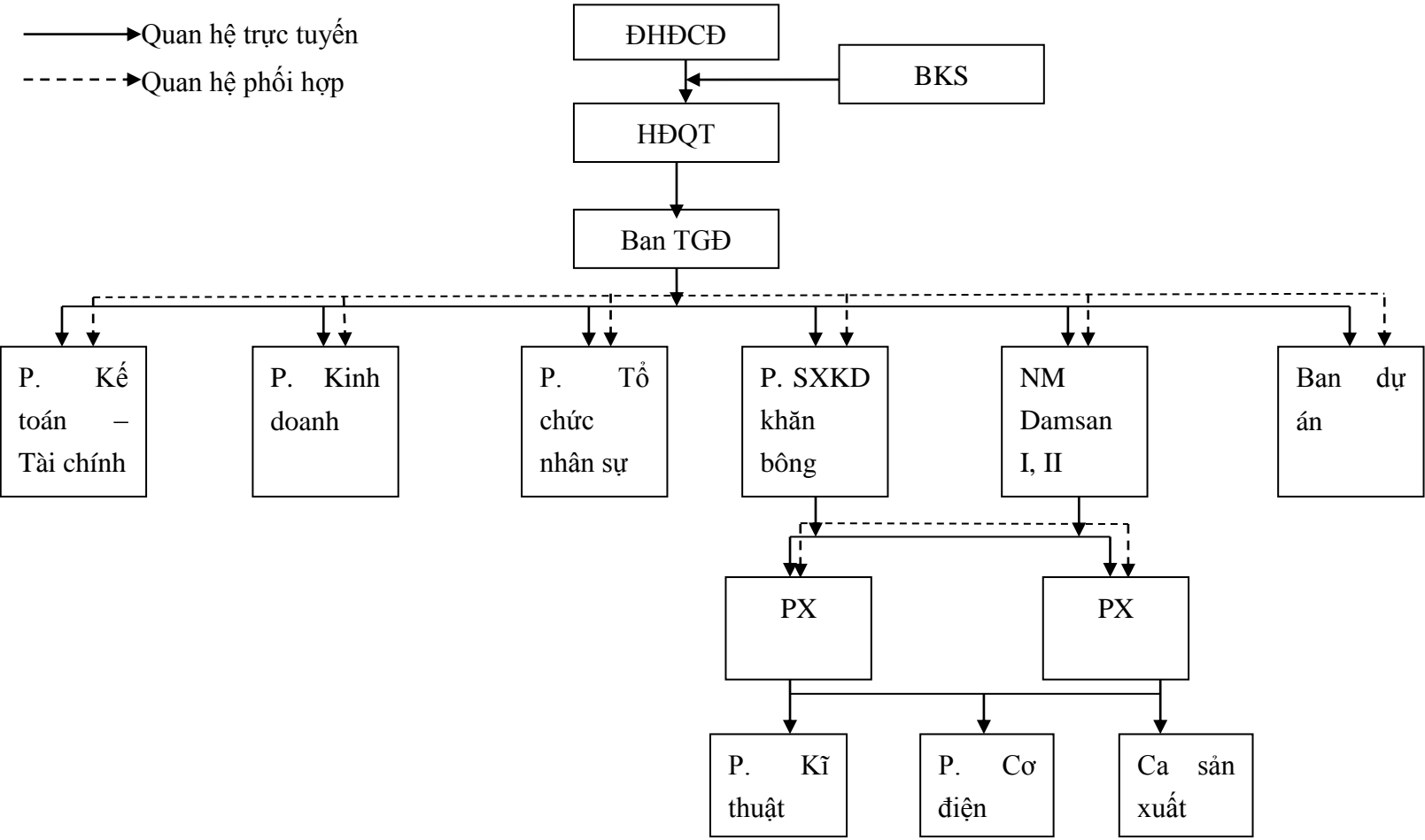
Lĩnh vực hoạt động chính:

- Sản xuất kinh doanh sợi
- Sản xuất vải dệt thoi
- Hoàn thiện sản phẩm dệt

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Damsan hoạt động theo mô hình tổ chức công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty.

Hình 7: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Damsan

*** Quan hệ trực tuyến:** cơ cấu tổ chức thiết lập theo chiều dọc và nguyên lý đường thẳng; công việc được tiến hành theo tuyến



❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức hằng năm, trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

❖ **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông do Đại hội đồng cổ đông bầu. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

❖ **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT có trách nhiệm giám sát Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc là người quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty tuân theo Điều lệ, các quy định của Công ty, theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty và tuân theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty

❖ **Các phòng ban chức năng**

- **Phòng kế toán – tài chính** có chức năng, nhiệm vụ như sau:
 - Thực hiện chế độ kế toán, hạch toán theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;
 - Chuẩn bị tài chính, thống kê và quản lý tài chính;
 - Thực hiện phân tích thông tin, tính toán và phân tích các chỉ số báo cáo tài chính, so sánh các thông tin và các chỉ số giữa các kỳ.
 - Đánh giá hiệu quả đầu tư kinh doanh của Công ty;
 - Quản lý kho hàng của Công ty.
- **Phòng kinh doanh** có chức năng, nhiệm vụ như sau:
 - Xây dựng kế hoạch kinh doanh theo tháng, quý, năm và triển khai thực hiện;
 - Thiết lập, giao dịch trực tiếp với khách hàng, hệ thống kênh phân phối;
 - Thực hiện hoạt động bán hàng, tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận;



- Xây dựng hệ thống khách hàng là các công ty thương mại quốc tế;
- Thương mại điện tử: Tiến hành quảng cáo trên các trang website điện tử quốc tế. Tham gia và tổ chức hội chợ hàng tiêu dùng quốc tế;
- Quản trị trang website của Công ty, bán hàng qua internet;
- Thu thập, phân tích và đánh giá các thông tin thị trường. Đưa ra các khuyến nghị, các ý kiến đề xuất về chiến lược kinh doanh quốc tế cho Ban TGD;
- Theo dõi và đôn đốc tình hình thực hiện các đơn hàng xuất khẩu cũng như việc thu hồi công nợ khách hàng;
- Lập kế hoạch ngân sách năm, kiểm soát tình hình thực hiện ngân sách của bộ phận xuất khẩu và xin điều chỉnh nếu cần thiết.
- Phối hợp với các phòng ban trong Công ty nhằm cung ứng dịch vụ tốt nhất cho khách hàng;
- Kiểm soát rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
- **Phòng Tổ chức nhân sự** có chức năng và nhiệm vụ như sau:
 - Xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược tuyển dụng, sử dụng, đào tạo và phát triển nhân sự;
 - Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đánh giá năng lực nhân sự và thực hiện đánh giá năng lực nhân sự, hiệu quả công việc của cán bộ nhân viên Công ty;
 - Quản lý nhân sự;
 - Quản lý và thực hiện Công tác hành chính;
 - Lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc chức năng nhiệm vụ của phòng;
 - Thực hiện các thủ tục theo luật định về bảo hiểm, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ.
- **Nhà máy:**
 - **Phòng Sản xuất và Kinh doanh khăn bông:** Đôn đốc sản xuất (may và kiểm hóa, đóng gói) bảo đảm sản lượng, chất lượng được giao; Đôn đốc công nhân thực hiện nghiêm túc quy trình sản xuất, nội quy, quy chế của Công ty; Đôn đốc giữ gìn bảo quản thiết bị máy móc đúng quy trình; Có quyền bố trí và sử dụng lao động trong xưởng phù hợp, đảm bảo sản xuất có hiệu quả;
 - **Phòng Kỹ thuật:** Đôn đốc sản xuất (may và kiểm hóa, đóng gói) bảo đảm sản lượng, chất lượng được giao; Đôn đốc công nhân thực hiện nghiêm túc quy trình sản xuất, nội quy, quy chế của Công ty; Đôn đốc giữ gìn bảo quản thiết bị máy móc đúng quy trình; Có quyền bố trí và sử dụng lao động trong xưởng phù hợp, đảm bảo sản xuất có hiệu quả.
 - **Phòng Cơ điện:**
 - + Chức năng: Giám sát và kiểm tra tình trạng hoạt động toàn bộ các thiết bị thuộc khu vực nhà máy sợi; Thu thập các thông tin về tình trạng hoạt động của các hệ thống, cập nhật các sự cố, hư hỏng của các hệ thống thiết bị; Phối hợp cùng phòng Kỹ Thuật nhà máy xác định nguyên nhân hư hỏng và đề xuất phương án xử lý, khắc phục các sự cố thiết bị gây ảnh hưởng đến chất



lượng đầu ra của sản phẩm; Lập kế hoạch thay thế sửa chữa, và các hạng mục cần dự phòng để đảm bảo thay thế kịp thời khi có sự cố hỏng hóc của các chi tiết máy; Phối hợp với công nhân vận hành thiết bị, quyết định ngừng hoạt động của thiết bị trong trường hợp khẩn cấp cần thiết; Tham mưu cho ban giám đốc quyết định việc sửa chữa thay thế và nâng cấp các thiết bị máy móc trong nhà máy; Bàn giao cho bộ phận công nghệ đưa thiết bị vào hoạt động chính thức sau khi đã được sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế qua thời gian chạy thử.

+ Nhiệm vụ: Theo dõi kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động toàn bộ các thiết bị máy móc theo quy định của nhà sản xuất và của mỗi bộ phận cần chú ý; Kiểm tra các duy tu bảo dưỡng các máy móc theo hồ sơ của máy, có ghi chép nhận xét và yêu cầu để thực hiện; Lập kế hoạch thay thế, sửa chữa và mua phụ tùng dự phòng đảm bảo thay thế kịp thời khi có sự cố của các thiết bị máy móc trong nhà máy sợi; Thu thập các thông tin về tình trạng hoạt động của hệ thống thiết bị và yêu cầu các bộ phận cung cấp, cập nhật các sự cố, hư hỏng của các hệ thống thiết bị thuộc bộ phận mình quản lý; Phối hợp cùng người vận hành thiết bị để xác định nguyên nhân hư hỏng của thiết bị để tìm phương án xử lý kịp thời; Đề xuất phương án xử lý khắc phục: sửa chữa, thay thế, thuê ngoài; Trực tiếp xử lý các lỗi đơn giản thông thường, các lỗi yêu cầu trình độ kỹ sư chuyên ngành; Phối hợp chỉ đạo và trực tiếp sửa chữa các thiết bị hư hỏng; Tìm hiểu các tài liệu, bản vẽ kỹ thuật, catalog của các thiết bị máy móc trong phạm vi nhà máy và các tài liệu công nghệ nâng cao nghiệp vụ phục vụ công tác sửa chữa thay thế, nâng cấp các thiết bị; Đánh giá trình độ chuyên môn thông qua các hình thức kiểm tra tay nghề; Thống kê các thiết bị cần sửa chữa, bảo dưỡng để xây dựng kế hoạch năm.

▪ **Ban Dự án:**

Ngày 15/03/2013 Tổng Giám đốc Công ty cổ phần dệt sợi DamSan quyết định thành lập Ban quản lý dự án Khu nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp – DamSan để quản lý dự án Khu nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp – DamSan, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình. Ban quản lý dự án được thành lập có chức năng và nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật bao gồm thực hiện những công việc của các giai đoạn sau:

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Xin chấp thuận chủ trương đầu tư; Tổ chức đo đạc, thẩm định và trình duyệt quy hoạch tổng mặt bằng dự án; Lập, thẩm định và trình duyệt thiết kế cơ sở, báo cáo đánh giá tác động môi trường; Tổ chức lập và trình duyệt dự án.

- Giai đoạn thực hiện đầu tư. Tổ chức thực hiện các thủ tục giao nhận đất; Tiếp nhận quản lý mốc giới; rà phá bom mìn, vật liệu nổ và chuẩn bị mặt bằng xây dựng; Lập, thẩm tra và trình duyệt thiết kế và dự toán; xin giấy phép xây dựng và triển khai công việc chuẩn bị khởi công; Tổ chức và trình duyệt kế hoạch đấu thầu; hồ sơ mời thầu; tham gia hội đồng chấm thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu và thương thảo hợp đồng; Bàn giao mặt bằng, mốc giới cho các đơn vị thi công. Quản lý dự án theo đồ án quy hoạch được duyệt; Quản lý thi công xây dựng; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.



- Giai đoạn kết thúc đầu tư: Phối hợp với các cơ quan chức năng hoàn tất các thủ tục bàn giao dự án, công trình để đưa vào khai thác, sử dụng; Lập phương án tổ chức quản lý, vận hành, khai thác dự án.

- Các công tác khác: Phối hợp với chính quyền các cấp giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn xã hội trong khu vực dự án; Phối hợp với các cơ quan chức năng giải quyết các thủ tục về đầu tư dự án, lập báo cáo thực hiện vốn đầu tư; Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện hợp đồng kinh doanh của dự án, đề xuất các biện pháp xử lý vướng mắc tồn tại của khách hàng; Triển khai các dịch vụ sau bán hàng.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

❖ Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

TT	Tên	Địa chỉ	SLCP nắm giữ	Tỷ lệ %
1	Ông Vũ Huy Đông	Số nhà 08 đường Trần Bình Trọng, Tp Thái Bình	4.069.800	25,33%
2	Ông Nguyễn Lê Hùng	P1403, 27 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội	1.860.000	11,57%
3	Ông Đỗ Văn Khôi	15 Kim Đồng - Giáp Bát - Hà Nội	900.000	5,60%
4	Ông Vũ Huy Đức	SN 52, Ngõ 74 Trần Nhật Duật phường Bồ Xuyên, TP. Thái Bình	1.120.000	6,97%

Nguồn: Công ty Cổ phần Damsan

❖ Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

TT	Tên	Địa chỉ	SLCP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ	2A Phạm Sư Mạnh - Hoàn Kiếm - Hà Nội	480.000	2,99%
2	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Thái Bình	Số nhà 399, phố Lê Quý Đôn, TP. Thái Bình	100.000	0,62%
3	Nguyễn Lê Hùng	P1403 Nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng - Láng Hạ - Đống Đa - Hà nội	1.860.000	11,57%
4	Lê Mai Khanh	7 Nam Tràng - Trúc Bạch - Hoàn Kiếm - Hà Nội	245.200	1,53%
5	Nguyễn Tuấn An	Số nhà 399, phố Lê Quý	20.000	0,12%



TT	Tên	Địa chỉ	SLCP nắm giữ	Tỷ lệ
		Đôn, TP.Thái Bình		
6	Vũ Hữu Đạo	Phường Kỳ Bá, TP. Thái Bình	116.000	0,72%

Nguồn: Công ty Cổ phần Damsan

▪ **Quy định về hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập**

Căn cứ quy định tại Điều 119 Luật doanh nghiệp 2014: “Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp GCNĐKKD, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng số cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHDCĐ”, Công ty Cổ phần Damsan thành lập ngày 12/06/2006 với 07 cổ đông sáng lập.

Tính đến thời điểm hiện tại (31/03/2016), cổ phần của cổ đông sáng lập (số cổ phần đăng ký mua tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp lần đầu và đã góp trong thời hạn 90 ngày) đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

❖ **Cơ cấu cổ đông hiện tại**

TT	Cổ đông	SLCP	Giá trị (VND'000)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
Cổ đông trong nước					
1	Tổ chức	1.080.000	10.800.000	6,72%	3
2	Cá nhân	14.860.840	148.608.400	92,48%	314
Cổ đông nước ngoài:					
3	Tổ chức	-	-	-	-
4	Cá nhân	129.160	1.291.600	0,80%	1
Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-
Tổng cộng		16.070.000	160.700.000	100%	318

Nguồn: Danh sách cổ đông công ty chốt ngày 25/03/2016 - Công ty Cổ phần Damsan

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

❖ **Công ty mẹ của Công ty**

Không có



❖ **Công ty con**

Tên công ty	Ngành nghề	VĐL (tỷ đồng)	% sở hữu
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC	Kinh doanh vải, hàng may sẵn	24,6	100%
Công ty Cổ phần Sợi EIFFEL	Sản xuất kinh doanh sợi	60,0	81%

▪ **Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC**

Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC được thành lập năm 2010 có quy mô 10 nhân viên với hoạt động chính là nhập khẩu bông và có vai trò hỗ trợ nguồn nguyên liệu đầu vào cho Công ty mẹ. ACC có vốn điều lệ 24,6 tỷ đồng và thuộc sở hữu 100% bởi Công ty Cổ phần Damsan.

▪ **Công ty Cổ phần Sợi EIFFEL**

Công ty Cổ phần Sợi EIFFEL được thành lập năm 2015 với vốn điều lệ 76 tỷ đồng, có hoạt động chính là sản xuất kinh doanh sợi. Quy mô của EIFFEL lên đến 40,000 cọc sợi, với năng lực sản xuất 6,000 tấn sợi cọc CD một năm. Nhà máy của EIFFEL dự kiến đi vào hoạt động từ quý III/2016 và được hưởng nhiều ưu đãi về thuế, cụ thể:

- Miễn thuế trong 2 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ 2016-2017
- Thuế suất 20% từ 2016-2025
- Giảm 50% thuế suất từ 2018-2020
- Miễn tiền thuê đất từ 2015-2017

6. Hoạt động kinh doanh

- Công ty Cổ phần Damsan hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm các sản phẩm từ bông bao gồm: Sản xuất sợi từ bông; Sản xuất khăn bông; và Kinh doanh bông nguyên liệu. Bắt đầu từ năm 2013, bên cạnh hoạt động cốt lõi, Công ty bắt đầu đầu tư vào hoạt động kinh doanh nhà ở xã hội. Khác với các doanh nghiệp chuyên đầu tư bất động sản, và chịu rủi ro biến động giá của bất động sản, hoạt động này của Damsan mang đặc thù khác. Đây là hoạt động dựa theo chính sách của tỉnh Thái Bình, có lộ trình thực hiện rõ ràng, nhà bán đúng tiến độ, mang lại nguồn thu ổn định.

- Công ty hiện đang quản lý trực tiếp 02 nhà máy và một nhà máy do công ty con quản lý với tổng công suất 16.560 tấn sợi/năm và 2.040 tấn khăn/năm.

- Nhà máy I đầu tư năm 2007 với tổng mức đầu tư 170 tỷ đồng, quy mô 27 nghìn cọc sợi và dự kiến hết khấu hao vào năm 2016 (giảm chi phí khấu hao 13 tỷ/năm).
- Nhà máy II được đầu tư năm 2010 với tổng mức đầu tư 220 tỷ đồng, có quy mô 3.400 roto. Nhà máy II sẽ hết toàn bộ khấu hao vào năm 2018, giảm chi phí khấu hao 18 tỷ đồng/năm,



cụ thể: giảm chi phí khấu hao 11 tỷ đồng/năm vào năm 2017 và giảm khấu hao 7 tỷ đồng/năm vào năm 2018.

- Nhà máy III (do Công ty Cổ phần Sợi Eiffel quản lý) đang trong quá trình xây dựng với tổng mức đầu tư 291 tỷ đồng và công suất 40 nghìn cọc. Dự kiến nhà máy sẽ đi vào hoạt động từ quý III năm 2016.
- Một điểm đáng lưu ý là Công ty đang trong giai đoạn hưởng ưu đãi về thuế cho nhà máy I, và nhà máy III sẽ được miễn thuế trong hai năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ 2016 – 2017 chi tiết như sau:

Bảng 2: Các ưu đãi thuế đối với Nhà máy

Nhà máy	Chi tiết
I	- Thuế suất 15% từ 2007-2018 - Giảm 50% thuế suất từ 2009-2016
II	- Thuế suất 20% từ 2010-2019
III	- Miễn thuế trong 2 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ 2016-2017 - Thuế suất 20% từ 2016-2025 - Giảm 50% thuế suất từ 2018-2020 - Miễn tiền thuê đất từ 2015-2017

Nguồn: Công ty Cổ phần Damsan

❖ **Hoạt động sản xuất và kinh doanh sợi**

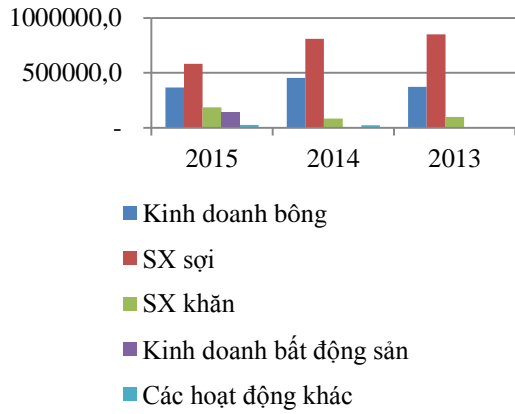
- Các sản phẩm của Công ty được làm từ bông thiên nhiên và có đặc thù khác với các doanh nghiệp sợi tổng hợp khác. Sợi bông là loại sợi thiên nhiên có khả năng hút/ thấm nước rất cao (65% so với trọng lượng). Sợi bông có khuynh hướng dính bẩn và dính dầu mỡ, dù vậy có thể giặt sạch được. Sợi bông thân thiện với da người (không làm ngứa) và không tạo ra các nguy cơ dị ứng việc khiến cho sợi bông trở thành nguyên liệu quan trọng trong ngành dệt may và có vai trò thiết yếu đối với đời sống hàng ngày.

Trong khi đó các loại sợi khác như lụa dù mang tính thời trang, nhưng lại có nhiều nhược điểm nên sản lượng thấp, còn sợi Polyester được ứng dụng nhiều trong ngành công nghiệp để sản xuất các loại sản phẩm như quần áo, đồ nội thất gia dụng, vải công nghiệp, vật liệu cách điện...

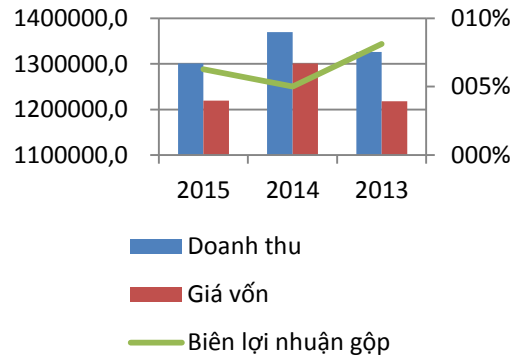
- Trong giai đoạn 2012 - 2014, doanh thu thuần của Công ty tăng trưởng với tốc độ bình quân 19,15% trong đó mảng sản xuất kinh doanh sợi vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu giá vốn, dao động trong khoảng 52% - 63% tổng doanh thu thuần và giá vốn. Tuy nhiên sang năm 2015, do diễn biến xấu của thị trường bông quốc tế, doanh thu của Công ty giảm 9,5% do doanh thu từ bông và sợi giảm.



Hình 8: Cơ cấu doanh thu (triệu đồng)



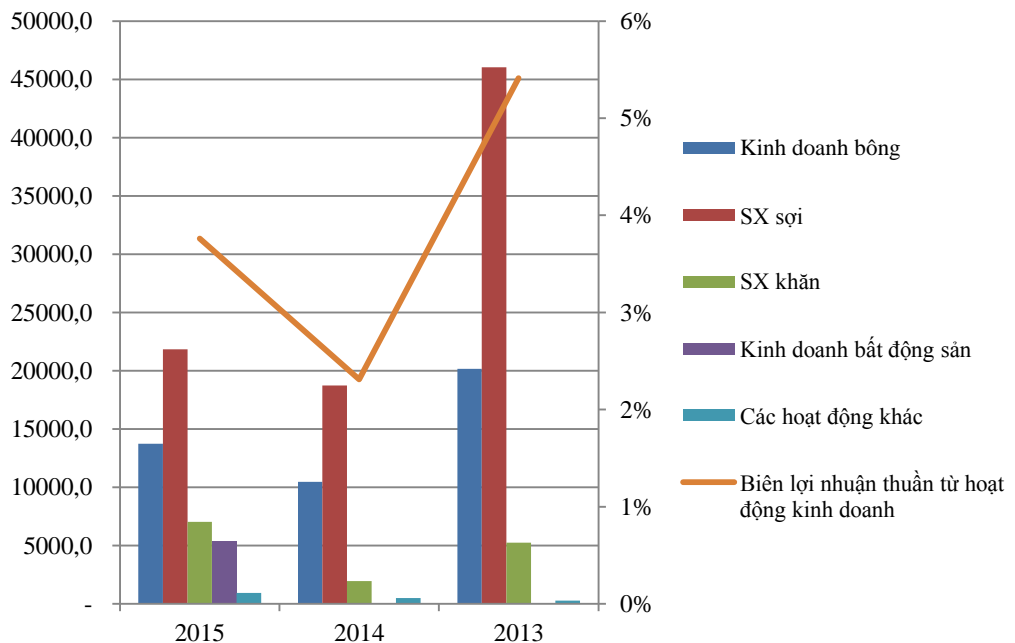
Hình 9: Diễn biến doanh thu (triệu đồng)



Nguồn: Công ty Cổ phần Damsan

- Kể từ năm 2014, doanh nghiệp bắt đầu đẩy mạnh sản xuất khăn bông. Trong Quý II/2015, Công ty tiếp tục đầu tư 16 máy dệt đã qua sử dụng, nâng công suất sản xuất khăn thêm 70 tấn/tháng. Tuy nhiên do sự sụt giảm của hoạt động sản xuất kinh doanh bông sợi, biên lợi nhuận gộp của Công ty đã giảm từ 8% năm 2013 xuống còn 6% năm 2015.
- Lợi nhuận thuần đến từ hoạt động kinh doanh của Công ty giảm trong giai đoạn 2013 – 2015, kéo theo biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm từ 5,4% năm 2013 xuống còn 3,8% năm 2015. Nguyên nhân chính là do chi phí lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện lớn khiến cho chi phí tài chính tăng cao trong năm 2015.

Hình 10: Lợi nhuận đến từ hoạt động kinh doanh (triệu đồng)



Nguồn: Công ty Cổ phần Damsan



- Các sản phẩm chính của Công ty bao gồm:

- Sợi CD có chỉ số từ 20 đến 40: là loại sợi 100% cotton chải thô, có tính năng hút ẩm tốt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người và thường dùng để dệt các loại vải mềm trong lĩnh vực may mặc.
- Sợi OE có chỉ số Ne từ 10 đến 20: được sử dụng trong các lĩnh vực dệt thoi, dệt khăn mặt, dệt không thoi, dệt kim. Trong công nghiệp dệt để sản xuất các mặt hàng có tính năng sử dụng như dùng sợi nồi cộc. Trong lĩnh vực may mặc, sợi OE phù hợp với các mặt hàng thể thao và du lịch. Sợi OE được sử dụng rộng rãi để dệt các sản phẩm dùng trong nhà như khăn bàn, ga giường, chăn, đệm, rèm, thảm...và các loại vải trang trí.

❖ Hoạt động sản xuất và kinh doanh khăn bông

Các sản phẩm khăn bao gồm: Khăn mặt, khăn thể thao, khăn ăn, khăn tắm, khăn đi biển cao cấp Dobby và Jacquard

Các loại khăn trên được dệt từ chính các loại sợi 100% cotton do Damsan sản xuất như sợi OE 100% cotton Ne 10s, 16s, 20s...Sợi cộc như CD 100% Ne 20/1, CD 30/1, CD32/1, CD20/2, CD30/2...nên đảm bảo thấm nước tốt, mềm mại, sử dụng lâu không bị khô cứng, không bị mốc và độ bền màu cao.

Các loại khăn của Damsan đã được xuất hiện tại nhiều thị trường như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan...

Hình 11: Một số hình ảnh sản phẩm của Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Damsan

Bảng 3: Năng lực sản xuất

Nhà Máy	Sản phẩm	Công suất (tấn/năm)	Số lượng cộc/roto	Tỷ trọng xuất khẩu	Thị trường tiêu thụ
I	Sợi CD	4.320	27.000 cộc	100%	Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc
III	Sợi CD	6.000	40.000 cộc	100%	Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc,



Nhà Máy	Sản phẩm	Công suất (tấn/năm)	Số lượng cọc/roto	Tỷ trọng xuất khẩu	Thị trường tiêu thụ
II	Sợi OE	7.200	3.400 roto	60%	Thị trường nội địa: Thái Bình, Nam Định, Hà Nam Thị trường xuất khẩu: Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan
I	Khăn thủ công	1.440		100%	Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ
II	Khăn cao cấp	600		100%	Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ

Nguồn: Công ty Cổ phần Damsan

❖ **Hoạt động kinh doanh bông nguyên liệu**

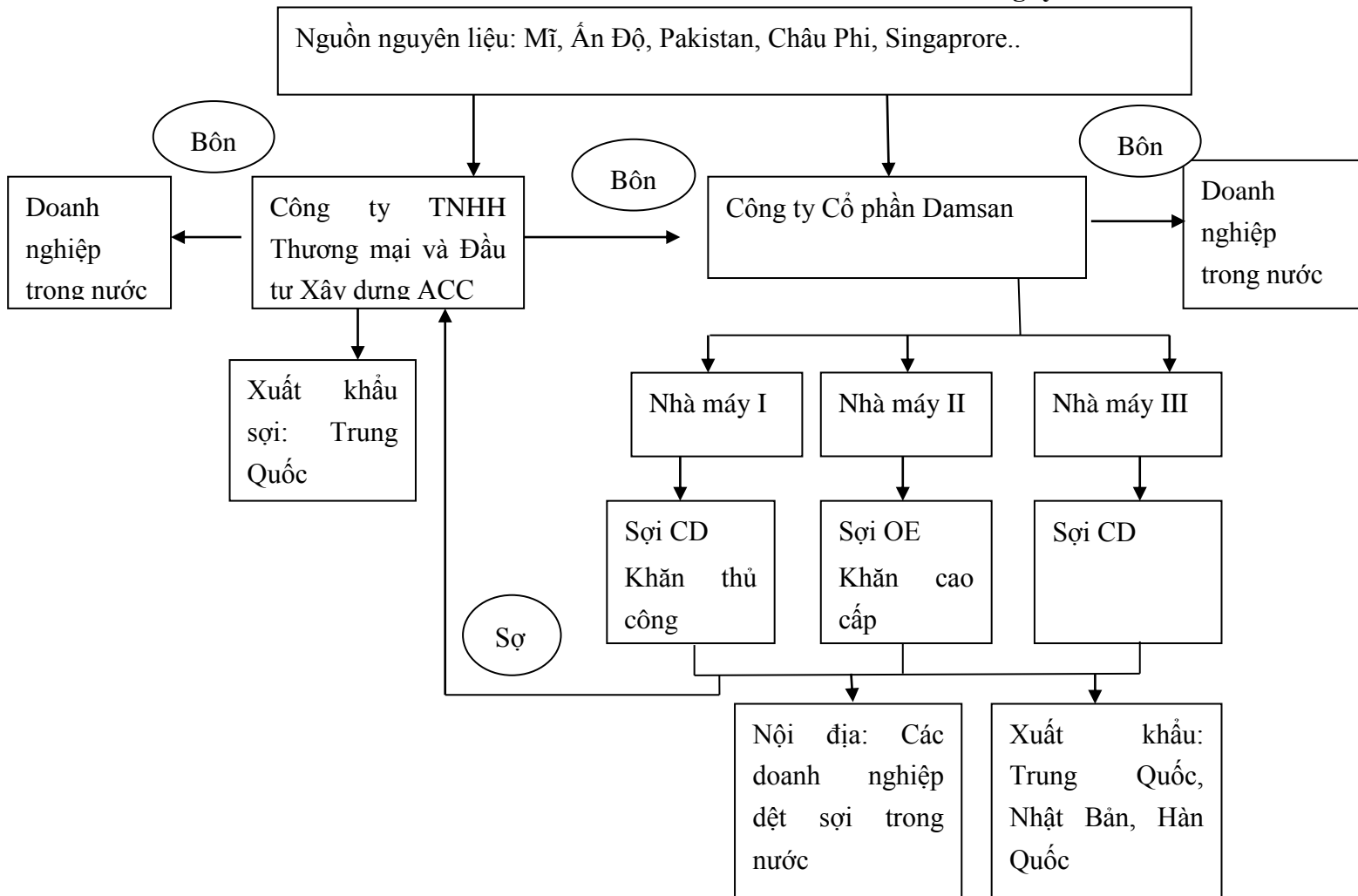
- Kinh doanh bông nguyên liệu: doanh thu từ hoạt động kinh doanh bông vẫn chiếm 37% tổng doanh thu của Công ty trong năm 2014. Tuy nhiên Ban lãnh đạo Công ty có chiến lược thu gọn hoạt động kinh doanh này, tăng cường việc sản xuất các sản phẩm từ bông.

Chu trình sản xuất kinh doanh của Damsan bao gồm các bước:

- Nhập bông nguyên vật liệu từ Mỹ, Ấn Độ, Châu Phi, Pakistan, Singapore: hoạt động này do hai pháp nhân là Công ty Cổ phần Damsan và Công ty con Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC thực hiện
- Bông nhập về được phục vụ vào 2 mục đích: (1) sản xuất sợi và khăn đảm nhiệm bởi Công ty mẹ và (2) kinh doanh bán cho các doanh nghiệp địa phương.
- Thành phẩm sẽ được xuất khẩu và tiêu thụ nội địa thông qua Công ty mẹ và Công ty con ACC.
- Như vậy Công ty đang ở trong mạng lưới nguyên liệu thô và nguyên phụ liệu trong chuỗi giá trị của ngành dệt may, vốn có nhu cầu về đầu ra rất lớn. Khi gia nhập TPP, với quy tắc xuất xứ "từ sợi trở đi", nhu cầu sử dụng sợi trong nước được kì vọng tăng mạnh. Trước tình hình này, một số doanh nghiệp sản xuất xơ, sợi, dệt có tên tuổi trên thế giới đã tới Việt Nam để đầu tư. Bên cạnh đó Tập đoàn dệt may cũng đang tiến hành cơ cấu, tập trung phát triển nhóm ngành nguyên phụ liệu dệt may. Bản thân doanh nghiệp, ngoài giữ vững lợi thế vốn có là chi phí giá vốn sản xuất sợi thấp hơn các công ty cùng ngành của Trung Quốc để bảo đảm tính cạnh tranh ở thị trường xuất khẩu sợi, cũng đang có chiến lược phát triển hoạt động nhuộm sợi để phục vụ cung ứng sợi cho thị trường nội địa. Do đó khả năng tăng giá trị gia tăng của Công ty trong chuỗi giá trị dệt là rất lớn.

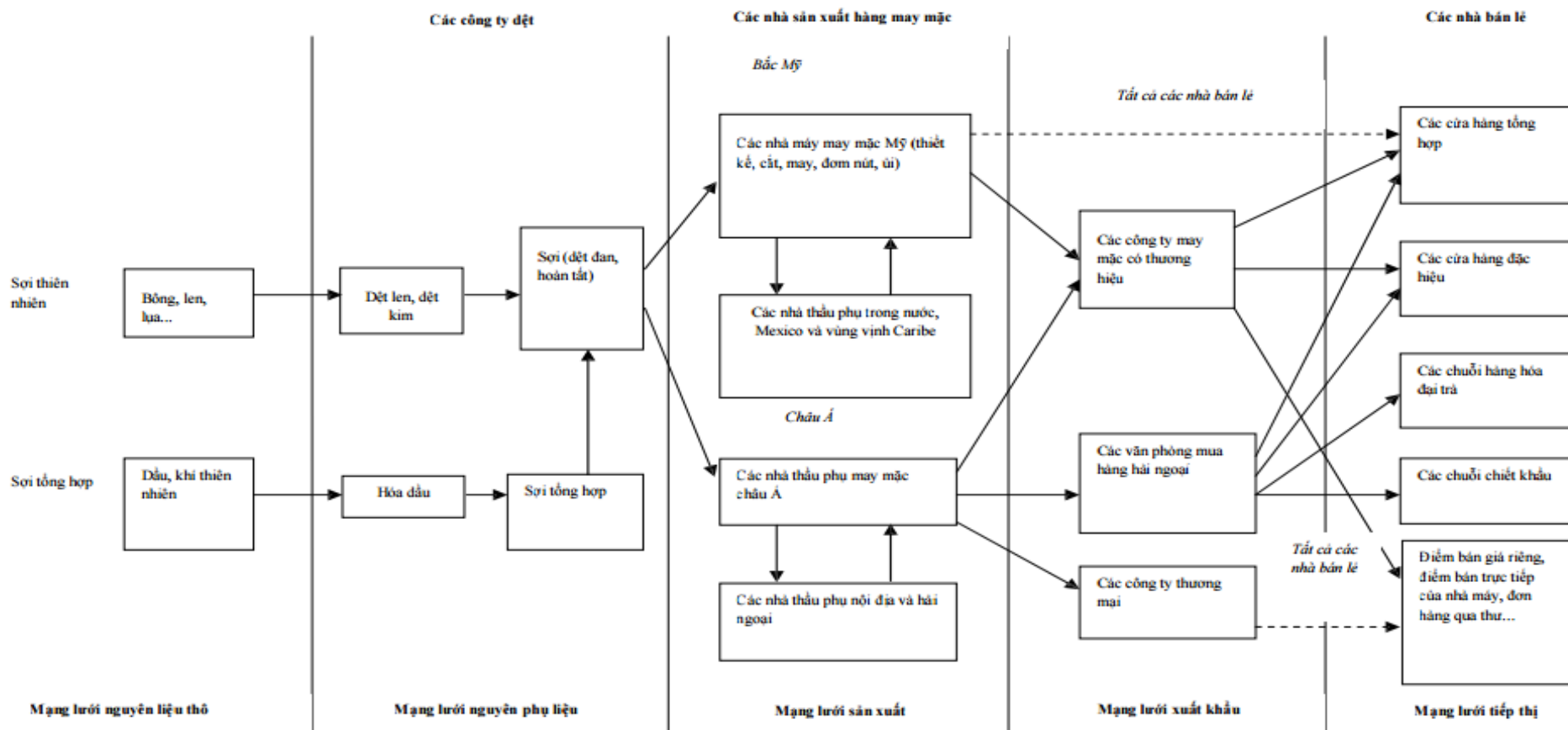


Hình 12: Chu trình sản xuất kinh doanh của Công ty





Hình 13: Chuỗi giá trị dệt may toàn cầu



Nguồn: Gereffi và Memodovic, 2003



❖ **Hoạt động kinh doanh nhà ở xã hội**

Trong giai đoạn 2013 - nay, Ban lãnh đạo Công ty thực hiện chính sách đầu tư vào các Dự án phát triển Khu nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp tại Thái Bình dựa trên chính sách Xây dựng khu nhà ở xã hội tạo quỹ nhà của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình (UBND) để đáp ứng nhu cầu cần thiết về nhà ở của các hộ dân có thu nhập thấp tại địa bàn tỉnh. Toàn bộ các dự án bất động sản của Công ty được tổ chức tín dụng như BIDV hỗ trợ với lãi suất ưu đãi 5% theo chương trình kích thích bất động sản trị giá 30 nghìn tỷ. Theo chủ trương của UBND tỉnh Thái Bình, tất cả các dự án Nhà ở xã hội này được thực hiện theo chương trình đổi đất lấy hạ tầng. Công ty được giao đất và có nghĩa vụ xây dựng Nhà ở xã hội. Trong năm 2015, Công ty Cổ phần Damsan đã hoàn tất việc bàn giao tòa nhà tại số 56 đường Trần Hưng Đạo, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình cho người dân. Tổng giá trị đầu tư của Dự án Trần Hưng Đạo là 139 tỷ đồng. Dự án Công trình xây dựng gồm:

- 18 nhà ở liền kề nhằm tạo nguồn kinh phí từ nguồn thu tiền sử dụng đất ở thương mại để hỗ trợ việc đầu tư xây dựng nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật.
- 01 chung cư nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp gồm 17 tầng và 01 tầng hầm để xe trong đó tầng 1 là dịch vụ thương mại; tầng 2 đến tầng 17 là căn hộ để ở. Toàn bộ có 256 căn hộ.
- Hệ thống giao thông nội bộ, cấp nước (kể cả nước cứu hỏa), cấp điện, viễn thông, thoát nước đồng bộ, hoàn chỉnh phục vụ toàn bộ dân cư trong khu vực dự án.

Doanh thu của dự án Nhà ở xã hội tại Lê Hồng Phong ghi nhận trong năm 2015 là 143 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là 5,38 tỷ đồng.

Ngoài ra tháng 10 năm 2015 Công ty đã khởi công đầu tư xây dựng Dự án “Khu nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp tại khu nhà 5 tầng, tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình” với giá trị đầu tư 132 tỷ đồng theo hình thức xây dựng và chuyển giao. Dự án tại phường Quang Trung là dự án tiếp nối của dự án tại Lê Hồng Phong, tiếp tục mang lại nguồn doanh thu ổn định cho doanh nghiệp. Dự án chung cư có khoảng từ 280 đến 300 căn hộ; diện tích các căn hộ từ 30m² đến 40m²/ căn. Với diện tích sàn dự kiến khoảng 14.700 m², dự án chung cư gồm 13 tầng và 01 tầng hầm để xe. Ngoài ra dự án cũng bao gồm các nhà ở liền kề. Đây được xem như là lợi thế của Damsan so với các doanh nghiệp sợi khác, bởi bên cạnh hoạt động cốt lõi, doanh nghiệp còn có một nguồn thu ổn định từ các dự án bất động sản hỗ trợ.



6.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Trong giai đoạn 2014 - 2015 sản xuất sợi và khăn thành phẩm là hoạt động chính, chiếm hơn 60% doanh thu của Công ty. Bên cạnh việc sản xuất sợi thành phẩm, Công ty còn kinh doanh thương mại nguyên liệu đầu vào gồm bông cotton với các doanh nghiệp trong nước như Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân, Công ty TNHH Dệt may Xuất khẩu Đăng Dương, Công ty TNHH Dệt Phú Thọ... Hoạt động này chiếm tỷ trọng khá lớn, khoảng 30% trong tổng doanh thu của Công ty. Ngoài ra phế phẩm đầu ra của quá trình sản xuất sợi bao gồm bông thu hồi từ hệ thống điều không của các nhà máy được quay lại sản xuất hoặc bán ra bên ngoài cho các nhà máy sản xuất khăn bông, bít tất, sản xuất vải địa kỹ thuật ...

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần giai đoạn 2014 –2015

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ				Hợp nhất			
	Năm 2015		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2014	
	DTT	%	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Kinh doanh bông	325.028	21,61%	592.012	36,99%	365.052	28,06%	452.898	33,07%
SX sợi	847.857	56,37%	837.863	52,36%	580.770	44,64%	810.715	59,19%
SX khăn	185.380	12,33%	168.769	10,55%	187.136	14,38%	84.676	6,18%
Kinh doanh bất động sản	143.047	9,51%			143.057	10,99%		
Các hoạt động khác	2.757	0,18%	1.656	0,10%	25.128	1,93%	21.337	1,56%
Tổng cộng	1.504.069	100%	1.600.300	100%	1.301.143	100%	1.369.626	100%

Nguồn: BCTC riêng & hợp nhất kiểm toán năm 2014 & 2015



Bảng 5: Sản lượng sản xuất và xuất khẩu

Đơn vị: tấn

Sản lượng (SL)	Năm 2015			Năm 2014			Năm 2013		
	Sản xuất	Tiêu thụ	SL xuất khẩu	Sản xuất	Tiêu thụ	SL xuất khẩu	Sản xuất	Tiêu thụ	SL xuất khẩu
Sợi CD	4.021	10.654	10.121	3.316	8.746	8.309	1.934	6.603	6.273
Sợi OE	5.745	5.954	4.168	5.365	5.430	3.801	7.274	7.247	5.798
Khăn bông	1.214	1.268	1.268	1.128	1.479	1.479	945	1.228	1.228

Nguồn: Công ty Cổ phần Damsan

Sản phẩm sợi của Công ty được tiêu thụ tại thị trường nội địa và xuất khẩu sang Trung Quốc. Trong khi đó, mặt hàng khăn bông được sản xuất phục vụ mục đích xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc là chính. Sản lượng khẩu sợi CD của Công ty có xu hướng tăng mạnh từ mức 6.275 tấn năm 2013 lên 10.121 tấn năm 2015. Tuy nhiên sản lượng sợi OE xuất khẩu lại giảm trong giai đoạn 2013 – 2015 chủ yếu do đây là loại sợi có độ tinh xảo thấp và có giá trị xuất khẩu kém, nên Công ty đã giảm tỷ lệ xuất khẩu của loại sợi này. Thay vào đó, Công ty đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu khăn bông.

Bảng 6: Doanh thu theo thị trường và loại sản phẩm

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2014		Năm 2013	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
Sợi	411	313	253	560	234	623
Khăn bông	5	139	4	123	2	86
Bông	308	0	429		429	
Khác	125	0	1,8			1,6
Tổng cộng	849	452	688	683	665	711

Nguồn: Công ty Cổ phần Damsan

Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ thị trường nội địa. Năm 2015 doanh thu theo thị trường nội địa đạt 849 tỷ đồng, lớn gấp 1,8 lần so với doanh thu từ hoạt động xuất khẩu (452 tỷ đồng) và tăng 1,2 lần so với 688 tỷ đồng trong năm 2014. Công ty đang có các chính sách nhằm hỗ trợ và hướng tới thị trường ngoài Việt Nam như tìm kiếm các khách hàng mới tại thị trường Nhật Bản, Úc hay Hàn Quốc.



Hoạt động thương mại nguyên vật liệu đầu vào bông cotton chủ yếu được bán cho các doanh nghiệp, hộ gia đình dệt sợi trong nước. Doanh thu tiêu thụ bông có xu hướng giảm trong năm 2015 do diễn biến xấu của thị trường bông quốc tế làm ảnh hưởng tiêu cực tới giá bông chung.

6.2 Nguyên vật liệu

Chi phí nguyên vật liệu trên số liệu báo cáo Công ty mẹ chiếm khoảng 45% chi phí giá vốn hàng bán và 44% tổng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chi phí nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu đến từ việc nhập bông để phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh sợi và khăn.

Nguồn nguyên liệu chính đầu vào của quá trình sản xuất các sản phẩm Công ty là bông nguyên liệu hay còn gọi là bông xơ. Bông được Công ty nhập từ thị trường Mỹ, châu Phi, Pakistan, Ấn Độ, Singapore... Nguyên liệu sản xuất khăn của Công ty bao gồm các loại sợi OE, sợi cộc, sợi xe, do Công ty tự sản xuất.

Bảng 7: Chi phí nguyên vật liệu giai đoạn 2013 – 2015

Đơn vị tính: triệu đồng

Sản phẩm		Công ty mẹ			Hợp nhất		
		2015	2014	2013	2015	2014	2013
Chi phí NVL	A	662.440	700.021	600.746	663.208	700.021	600.746
GVHB	B	1.430.211	1.537.183	1.327.029	1.219.523	1.300.999	1.218.310
% tỷ lệ	A/B	46,32%	45,54%	45,27%	54,38%	53,81%	49,31%
Tổng chi phí (GVHB, bán hàng, QLDN)	C	1.459.534	1.572.501	1.361.583	1.252.192	1.337.967	1.254.254
% tỷ lệ	A/C	45,4%	44,52%	44,12%	52,96%	52,32%	47,90%

Nguồn: Công ty Cổ phần Damsan

Nguồn bông nhập về vừa cung cấp nguyên liệu cho hai nhà máy Damsan I và Damsan II, đồng thời dùng để bán trong thị trường nội địa. Nhu cầu bông nguyên liệu nhập khẩu hàng tháng cho hai nhà máy Damsan I và Damsan II khoảng 700 tấn/tháng. Khối lượng bông bán ở thị trường nội địa trung bình khoảng 100 tấn/tháng.

Nguyên liệu bông cotton được trồng tự nhiên nên mang tính mùa vụ, ví dụ bông Tây Phi có vụ mùa từ tháng 2 đến tháng 4, bông Đông Phi mùa vụ từ tháng 5 đến tháng 8, bông Mỹ từ tháng 10 đến tháng 12 hàng năm. Do đó, giá cả và chất lượng bông cotton phụ thuộc nhiều vào mùa



vụ, sản lượng thu hoạch, thời điểm giao hàng hay chính sách bán/ xuất khẩu bông của các nước trồng bông lớn trên thế giới (Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ...). Giá bông có thể thay đổi nhanh chóng theo ngày do đây là hàng hóa kỳ hạn nên chịu ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố về niềm tin, chính sách... Luôn ý thức được tầm quan trọng của sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất, vì vậy Công ty không ngừng tăng cường tìm kiếm và bổ sung thêm các nhà cung cấp mới. Đồng thời trong quá trình sản xuất, Công ty cố gắng hạn chế tối đa hao hụt nguyên vật liệu sản xuất nhằm làm giảm sự lãng phí nguồn vật liệu. Hơn nữa, Công ty cũng chủ động nhập nguyên vật liệu khi dự đoán giá nguyên vật liệu tăng. Các biện pháp trên được Công ty sử dụng để hạn chế những rủi ro về tăng giá nguyên vật liệu.

Bảng 8: Danh sách một số nhà cung cấp Nguyên vật liệu

TT	NVL	Tên nhà cung cấp	Xuất xứ
1	Bông	ALLENBERG COTTON CO.	Mỹ
2	Bông	BHADRESH TRADING CORPORATION LTD	Ấn Độ
3	Bông	Cargill cotton limited	Anh
4	Bông	Cashcot Industries PTE LTD	Singapore
5	Bông	CATHAY COTTON (HK) LIMITED	Hong Kong
6	Bông	CDI cotton distributors incorporated	Thụy Sĩ
7	Bông	ICT COTTON LIMITED	Anh
8	Bông	KGF COTTONS PVT. LTD	Ấn Độ
9	Bông	NOBLE RESOURCES PTE LTD	Singapore
10	Bông	OM SHIVA COMMODITIES HONG KONG LIMITED	Hong Kong
11	Bông	OTTO STADTLANDER GMBH	Đức
12	Bông	PATIDAR EXPORTS PVT.LTD	Ấn Độ
13	Bông	PAUL REINHART AG TECHNIKUMSTRASSE	Thụy Sĩ
14	Bông	Plexus cotton limited	Anh
15	Bông	Tong Teik PTE LTD	Singapore
16	Bông	Toray International Inc	Ấn Độ

Nguồn: Công ty Cổ phần Damsan

6.3 Chi phí sản xuất kinh doanh

Bảng 9: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty từ năm 2014 đến Quý I/2016

Đơn vị tính: triệu đồng

	BCTC Công ty mẹ						BCTC hợp nhất					
	Năm 2014		Năm 2015		Quý I/2016		Năm 2014		Năm 2015		Quý I/2016	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
DTT	1.600.300	100,00%	1.504.079	100,00%	293.216	100,00%	1.369.626	100,00%	1.301.143	100,00%	262.328	100,00%
GVHB	1.537.183	96,06%	1.430.211	95,09%	288.333	98,33%	1.300.999	94,99%	1.219.523	93,73%	250.362	95,44%
Chi phí tài chính	31.739	1,98%	53.628	3,57%	5.878	2,00%	33.432	2,44%	73.069	5,62%	9.207	3,51%
Chi phí bán hàng	13.027	0,81%	11.227	0,75%	2.171	0,74%	13.065	0,95%	11.285	0,87%	2.179	0,83%
Chi phí QLDN	22.291	1,39%	18.095	1,20%	5.006	1,71%	23.902	1,75%	21.385	1,64%	5.755	2,19%

Nguồn: BCTC riêng & hợp nhất kiểm toán năm 2014 và 2015; BCTC riêng và hợp nhất Quý I năm 2016 - Công ty Cổ phần Damsan

GVHB chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí, dao động quanh mức 95% của doanh thu trong giai đoạn 2014 – Quý I/2016. Chi phí tài chính tăng đáng kể trong năm 2015 do lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm nhẹ trong năm 2015. Tổng chi phí hợp nhất của Công ty trong giai đoạn 2014 – Quý I/2016 khá tương đồng với số liệu Công ty mẹ.

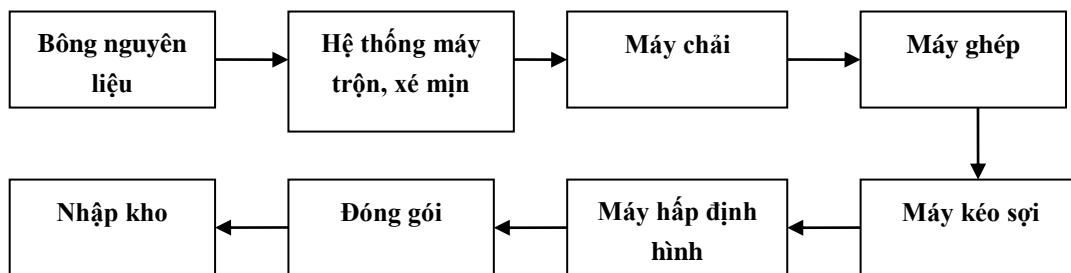
6.4 Trình độ công nghệ

Hình 14: Một số hình ảnh về nhà máy



Với tổng vốn đầu tư là 30 triệu USD, các nhà máy của Công ty đều sử dụng máy móc nhập khẩu từ Đức, Thụy sỹ như máy bông chải ghép của Strutzchler, máy kéo sợi của Rieter, máy dệt khăn của Vamatex (xuất xứ: Italy) và Sulzer textile (xuất xứ: Đức)...

Hình 15: Quy trình sản xuất sợi OE

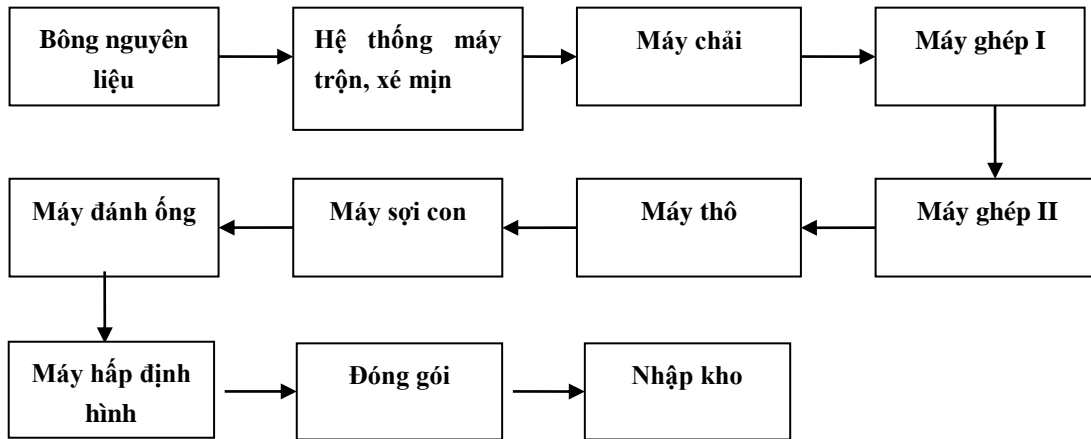


Bông nguyên liệu sau khi nhập kho sẽ được đưa vào hệ thống máy trộn, máy xé mịn nhằm lọc bỏ tạp chất kim loại, xé mịn và trộn đều các xơ bông, sau đó qua hệ thống máy chải để lọc bỏ hết các tạp chất, làm đều và duỗi thẳng xơ bông. Tiếp tới, qua hệ thống máy ghép để làm đều thêm lần nữa, làm mảnh và duỗi thẳng, ghép các xơ bông lại. Qua hệ thống roto của máy kéo sợi OE sẽ kéo thành các sợi bông với chỉ số, độ săn, độ bền đã thiết kế sẵn. Sợi sau đó được đưa vào máy hấp định hình để bổ sung độ ẩm, giúp tăng độ bền, độ săn.

Đối với sợi nội cọc, các xơ bông sau khi qua máy ghép 1 sẽ tiếp tục được đưa qua hệ thống máy ghép 2 giúp tăng độ đều, độ mảnh và độ dài, sau đó được kéo thành sợi thô, đưa qua máy kéo sợi con có hệ thống khuyên mảnh sẽ kéo thành sợi có chỉ số lớn hơn rất nhiều so với sợi OE. Các búp sợi con này sẽ được đưa qua máy đánh ống để đánh thành các quả sợi có trọng lượng đạt yêu cầu. Các quả sợi này cũng sẽ được đưa qua máy hấp định hình để bổ sung độ ẩm, giúp

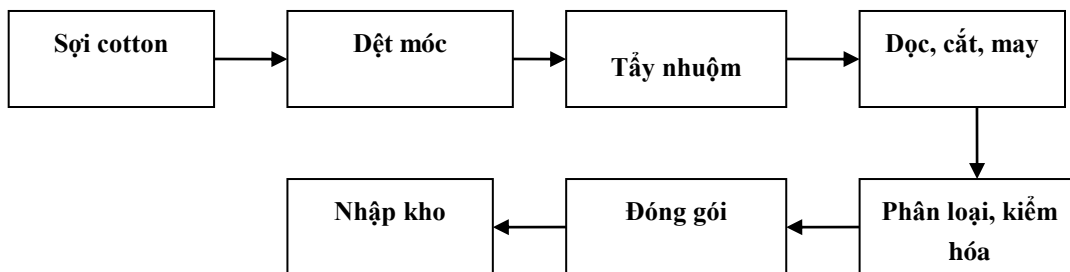
tăng độ bền và độ săn.

Hình 16: Quy trình sản xuất sợi nội cộc



Quy trình sản xuất khăn bông xuất khẩu: Sợi cotton được đưa vào các khung dệt thành các tấm khăn mộc. Các tấm khăn mộc này được đưa vào hệ thống tẩy nhuộm để tẩy trắng hoặc nhuộm màu theo yêu cầu, sau đó được đưa vào may, phân loại kiểm hoá, đóng gói và nhập kho.

Hình 17: Quy trình sản xuất khăn



6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công ty có bộ phận Kỹ thuật tại các nhà máy chuyên thực hiện nghiên cứu phát triển sản xuất các loại sợi mới hoặc nghiên cứu các biện pháp quản lý kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động của máy móc thiết bị hoặc nâng cao chất lượng sản phẩm. Ban lãnh đạo Công ty cũng luôn tìm kiếm các thị trường mới phù hợp với năng lực sản xuất và kinh doanh của Công ty. Trong năm 2015 và năm 2016 Công ty có định hướng tăng cường các sản phẩm khăn cao cấp nhằm xuất khẩu sang các thị trường có yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm như Úc hoặc Mỹ.

Ngoài ra định hướng giai đoạn 05 năm tới Công ty cũng đang tìm hướng phát triển các sản phẩm nhuộm và dệt nhằm có thể sử dụng một cách hiệu quả nhất dây chuyền sản xuất sợi của Công ty. Hiện tại nhà máy II của Công ty cũng đã thực hiện việc nhuộm các khăn bông chất lượng thấp, tuy nhiên hiệu quả chưa được đánh giá cao. Công ty chưa thể mở rộng hoạt động sản xuất này.

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ sản phẩm

Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm được Công ty ưu tiên hàng đầu, đảm bảo chất lượng nguồn sản phẩm đầu ra đến từng khách hàng. Do đó Công ty rất chú trọng đầu tư cho khâu quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm từ việc kiểm tra nguyên vật liệu đến giai đoạn sản xuất bởi các cán bộ chuyên môn có trình độ. Các sản phẩm của Công ty được sàng lọc và kiểm tra lại một lần dưới sự chứng kiến của khách hàng trước khi bàn giao. Ngoài ra, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 cũng được áp dụng trong hoạt động của Công ty.

Hình 18: Máy kiểm tra sản phẩm Uster Tester



Công ty đã đầu tư Máy kiểm tra sản phẩm Uster Tester có giá trị 6 tỷ đồng nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm một cách tốt nhất. Nhờ quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm chi tiết và kỹ lưỡng nên kể từ khi thành lập đến nay, Công ty chưa hề phát sinh bất cứ một vụ kiện tụng hoặc tranh chấp nào với khách hàng liên quan đến chất lượng sản phẩm

6.7 Hoạt động Marketing

Bên cạnh thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm, Công ty cũng rất chú trọng công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, phân phối sản phẩm và dịch vụ một cách tốt nhất tới khách hàng. Tuy nhiên các hoạt động marketing của Công ty hiện nay vẫn còn trong phạm vi nhỏ hẹp, chưa mang tính chiến lược và chủ yếu thông qua việc truyền bá giữa các đối tác và khách hàng của Công ty.

Hoạt động marketing của Công ty được xây dựng và thực hiện dựa trên những đặc thù riêng của một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dệt sợi. Mặc dù chi phí marketing không nhiều nhưng hoạt động marketing của Công ty vẫn đạt hiệu quả cao, đem lại các hợp đồng có doanh thu lớn cho Công ty.

6.8 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền-

Công ty đã đăng ký nhân hiệu hàng hóa số 208029 tại Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ theo Quyết định số 33349/QĐ-SHTT ngày 24/06/2013 và có hiệu lực trong vòng 10 năm kể từ ngày cấp.

- Thương hiệu đăng ký: CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN



- Logo Công ty :

Hình 19: Nhân hiệu đã đăng ký bản quyền



Danh mục sản phẩm/dịch vụ mang nhãn hiệu:

- Nhóm 23: Sợi đã xe
- Nhóm 35: Mua bán xuất nhập khẩu: bông sợi, vải, khăn, hàng dệt may, máy móc, thiết bị dệt may.
- Nhóm 36: Mua bán bất động sản; cho thuê bất động sản; đại lý bất động sản; môi giới bất động sản; tư vấn bất động sản.

Logo của Công ty lấy ý tưởng từ thiên sử thi nổi tiếng về chàng tù trưởng Damsan trẻ tuổi tài năng lỗi lạc, với những chiến công hiển hách và tâm lòng đầy ấp khát vọng tự do. Chàng trai trong biểu tượng logo đang giương cung lên trời với ý nghĩa khát vọng chinh phục những thử thách để khẳng định tên tuổi và vị thế của mình.

6.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Với đặc thù của doanh nghiệp dịch vụ, các hợp đồng cung ứng dịch vụ thường được ký dưới dạng hợp đồng khung trong đó thỏa thuận mức phí cũng như điều khoản và điều kiện giao hàng.

Hiện nay Công ty đang có giao dịch với một số đối tác như sau:

Bảng 10: Danh sách một số hợp đồng đang được thực hiện

Đơn vị: triệu đồng

Tên khách hàng	Thời gian giao dịch	Sản phẩm cung cấp	Giá trị hợp đồng đã thực hiện
P.D .SEKH	2015	Bông	6.780
PATIDAR	2015	Bông	20.655
ONE COMMODITES	2015	Bông	13.814
SHANDONG	2015	Bông	26.980
AGROTEXT	2015	Bông	10.742
ZHEJIANG AMP	2015	Sợi	12.813
ZHEJIANG XINLANG	2015	Sợi	6.587



Tên khách hàng	Thời gian giao dịch	Sản phẩm cung cấp	Giá trị hợp đồng đã thực hiện
ZHUJI SHENSONG	2015	Sợi	10.395
AF COF	2015	Sợi	35.625
CHONGQINH	2015	Sợi	27.456
FOREVER WINTER	2015	Sợi	6.467
FUJIAN	2015	Sợi	17.767
JING ZHOU	2015	Sợi	51.575
NINGBO LUCKY	2015	Sợi	23.857
SAM SUNG	2015	Sợi	6.440
SUMEC	2015	Sợi	5.101
ZHEJIANG	2015	Sợi	5.171
ZHUJI	2015	Sợi	5.139
ZHUJI SHENSONG	2015	Sợi	35.084
SAWASHOU	2015	Khăn	6.304
YAMAUCHI	2015	Khăn	19.575
ACT TRADING	2015	Khăn	5.744
DAI ICHI	2015	Khăn	10.364
KAMTEX	2015	Khăn	15.964
NOJIMA	2015	Khăn	5.106

Nguồn: Công ty Cổ phần Damsan

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong hai (02) năm gần nhất và quý gần nhất



Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh từ 2014 đến nay

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ				Hợp nhất			
	Năm 2014	Năm 2015	% tăng/giảm	Quý I/2016	Năm 2014	Năm 2015	% tăng/giảm	Quý I/2016
Tổng tài sản	883.950	859.566	-2,76%	857.283	1.061.176	1.055.685	-0,52%	1.037.468
Vốn CSH	161.308	222.814	38,13%	207.281	167.872	234.106	39,46%	223.182
DTT	1.600.300	1.504.079	-6,01%	293.216	1.369.626	1.301.143	-5,00%	262.328
LN HĐKD	15.968	17.392	8,92%	(4.857)	20.741	11.949	-42,39%	736
LN khác	1.366	3.299	141,51%	5.492	1.355	2.004	47,90%	2.267
LNTT	17.334	20.691	19,37%	634	22.096	13.953	-36,85%	3.004
LNST	15.930	18.626	16,92%	537	19.644	11.762	-40,12%	1.737
ROE (hệ số LNST/VCSH BQ)	9,75%	9,70%			11,68%	5,81%		
Tỷ lệ cổ tức/ mệnh giá	17% %	15%						

Nguồn: Công ty Cổ phần Damsan

Các chỉ số lợi nhuận năm 2014 và năm 2015 đều giảm do biến động tiêu cực của thị trường bông nguyên liệu, ảnh hưởng trực tiếp tới giá bán sợi thành phẩm, và hoạt động kinh doanh bông trong nước.

Một số chỉ tiêu tài chính đáng chú ý của Công ty trong năm 2014 như Tổng tài sản, tỷ lệ trả cổ tức đều có tốc độ tăng trưởng cao, đặc biệt như tổng tài sản hợp nhất năm 2014 tăng 59,09% so với năm 2013; trong khi số liệu hợp nhất tăng hơn 41,37%. Mức tăng này chủ yếu bởi tăng đầu tư tài chính ngắn hạn thông qua gửi tiết kiệm tại ngân hàng để đảm bảo cho những khoản vay của ngân hàng và tăng hàng tồn kho chủ yếu từ dự án nhà ở xã hội.



Do tình hình biến động giá bông trên thế giới trong năm 2015, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty chưa đạt được như kỳ vọng đề ra. Sau khi hoàn thành dự án nhà ở xã hội trong năm 2015, quy mô tài sản của Công ty đã giảm nhẹ. Lợi nhuận trước thuế năm 2015 theo kế hoạch là 35 tỷ đồng, tuy nhiên Công ty chỉ hoàn thành được 60% so với kế hoạch tương đương 20,69 tỷ đồng. Trong năm 2015 Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 160 tỷ đồng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do vậy ROE hợp nhất năm 2015 chỉ đạt 5,81%, thấp hơn nhiều so với mức 11,68% của năm 2014. Mặc dù vậy ROE trên BCTC Công ty mẹ đạt được 9,7% tương đương với năm 2014.

Năm 2015 Công ty vẫn duy trì mức chi trả 15% cổ tức trên mệnh giá như năm 2014 trong đó 10% cổ tức bằng tiền mặt và 5%. Cổ tức bằng tiền mặt đã được Công ty chi trả cho các cổ đông trong quý I năm 2016.

Bước sang năm 2016 doanh thu hợp nhất quý I/2016 tăng trưởng 4% so với cùng kỳ năm 2015. Doanh thu hợp nhất Quý I năm 2016 đạt 262 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 3 tỷ đồng. So với kế hoạch đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 12 tháng 03 năm 2016 (doanh thu hợp nhất đạt 1.500 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 40 tỷ đồng) thì quý I/2016 Công ty mới hoàn thành được 18% kế hoạch doanh thu và 7,5% kế hoạch lợi nhuận hợp nhất của năm 2016.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

7.2.1 Nhân tố thuận lợi

- ❖ Cơ hội từ việc ký kết các hiệp định thương mại như hiệp định TPP, hay cơ hội từ việc hội nhập các tổ chức thương mại và các nền kinh tế trong khu vực và trên thế giới đã mở ra nhiều cơ hội cho tiếp cận thị trường.
- ❖ Đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI liên tục tăng, tạo điều kiện nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành.
- ❖ Nền kinh tế thế giới bắt đầu có dấu hiệu hồi phục từ năm 2012 trở lại đây, bông – nguyên liệu chiếm đến hơn 70% giá thành – đang ở mức giá đáy và giá sợi đang có xu hướng đi lên do nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm dệt may có chiều hướng gia tăng khi nền kinh tế đang có những dấu hiệu chuyển biến tích cực.
- ❖ Cơ hội từ những chính sách ưu tiên của Chính phủ khuyến khích vào đầu tư như ưu đãi thuế nhập khẩu cho các nguyên liệu thô với mục đích sản xuất cho các sản phẩm may tái xuất khẩu trong 3-4 tháng, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp...
- ❖ Sản xuất sợi đang có xu hướng dịch chuyển từ Trung Quốc sang các nước đang phát triển khác trong đó có Việt nam. Từ đó có thể tận dụng được cơ hội về tiếp cận nguồn vốn, công nghệ sản xuất, kinh nghiệm quản lý, kinh doanh, và lao động có cơ hội được đào tạo, nâng cao tay nghề. Từ năm 2012 trở lại đây, ngành dệt may toàn cầu chứng kiến xu hướng dịch chuyển công xưởng sản xuất dệt may ra khỏi Trung Quốc do nước này đang



dần đánh mất lợi thế do chi phí nhân công ngày càng cao và bất lợi về thuế nhập khẩu của một số thị trường. Sự dịch chuyển này là lợi thế rất lớn cho các quốc gia như Việt Nam, Campuchia, Banglades... Lương bình quân cơ bản của người lao động Việt Nam chỉ đạt 3,1 triệu đồng/tháng xấp xỉ USD150/tháng, thấp hơn rất nhiều so với Trung Quốc.

- ❖ Doanh nghiệp có đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực sợi, gắn bó lâu dài với Công ty.
- ❖ Mạng lưới khách hàng lâu năm, ổn định.

7.2.2 Nhân tố không thuận lợi

- ❖ Cạnh tranh nội ngành cao: cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài như Campuchia, Lào, Myanmar hoặc Trung Quốc...
- ❖ Sức mạnh mặc cả của khách hàng là cao do khách hàng có nhiều sự lựa chọn từ nhiều nhà cung cấp khác nhau.
- ❖ Thị trường tiêu thụ của Công ty chủ yếu tập trung tại Trung Quốc. Mặc dù là một thị trường lớn, nhưng việc quá phụ thuộc vào một nguồn đầu ra có thể gây ra nhiều ảnh hưởng bất lợi với Công ty nếu thị trường có chuyển biến xấu. Ngoài ra việc Trung Quốc phá giá đồng nhân dân tệ cũng ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của sản phẩm Công ty, làm ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ sản phẩm. Do đó Công ty đã lên kế hoạch phát triển thêm các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc...
- ❖ Ngoài bông là nguyên liệu đầu vào chính, giá thành sản phẩm của Công ty còn bao gồm các chi phí chính như chi phí điện, nhân công và cước vận tải. Theo đó, trong kế hoạch 2015 giá điện và chi phí lương cơ bản theo quy định của Nhà nước sẽ được điều chỉnh theo hướng tăng. Đối với giá cước vận tải, mặc dù giá nhiều liệu đầu vào đang ở mức thấp so với các năm trước nhưng giá cước không có xu hướng giảm và vẫn ở mức ổn định như hiện nay. Đây là các yếu tố biến động có thể làm tăng giá thành sản xuất và giảm lợi nhuận của Công ty.
- ❖ Sức mạnh mặc cả nhà cung cấp cao do phần lớn nguồn nguyên liệu (bông) từ nhập khẩu.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành và triển vọng ngành

Thị trường cung ứng xơ sợi của Việt Nam hiện nay có thể chia làm 3 nhóm chính bao gồm (i) các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt may Việt Nam (ii) các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và (iii) các doanh nghiệp tư nhân trong nước. Theo thống kê của Hiệp hội Bông sợi Việt Nam (VCOSA), tính đến cuối năm 2013 ngành dệt may có hơn 100 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kéo sợi. Tổng sản lượng đạt 720.000 tấn, với 6,1 triệu cọc sợi và chiếm 2,1% năng lực sản xuất của thế giới.



Là một doanh nghiệp có 8 năm kinh nghiệm sản xuất, Công ty Cổ phần Damsan sở hữu hệ thống cơ sở vật chất khá tốt và là một trong các doanh nghiệp lớn hàng đầu cả nước về quy mô sản xuất sợi:

Bảng 12: Thông tin về các doanh nghiệp trong cùng ngành

	Số cọc sợi	Sản lượng (tấn/năm)	Doanh thu
Dệt may Huế	60.000	12.000	1.306.653
Dệt may Thăng Lợi	90.000	8.000	76.667
Sợi Trà Lý	46.000	6.480	
Sợi Thế Kỷ		52.000	1.579.000
Sợi Thiên Nam	173.000	33.600	
Sợi Damsan		17.500	1.431.000

Nguồn: Công ty Chứng khoán Sài Gòn tổng hợp

➤ **Triển vọng phát triển của ngành**

Việt Nam hiện là nước xuất khẩu dệt may lớn thứ 5 trên thế giới - ngành dệt may là ngành kinh tế mũi nhọn với gần 4.000 doanh nghiệp, thu hút gần 2,5 triệu lao động.

Theo số liệu của Tổng Cục Hải Quan tính đến hết tháng 7 /2015, giá trị nhập khẩu bông của cả nước là 856 triệu USD, tăng 8,1% và xơ sợi đạt 758 triệu USD, tăng nhẹ 0,3%. Lượng xuất khẩu nhóm hàng xơ sợi đạt gần 556 nghìn tấn, tăng 18% và trị giá đạt 1,49 tỷ USD, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước. Nhóm hàng xơ sợi dệt các loại xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 284 nghìn tấn tăng 42,1%; sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt hơn 58 nghìn tấn, giảm 5,8%; sang Hàn Quốc đạt hơn 42 nghìn tấn, tăng 10,8%... so với cùng kỳ năm 2014.

Nhu cầu tiêu thụ mở rộng và các dự án đầu tư do Việt Nam tham gia các hiệp định tự do thương mại. Tiềm năng phát triển của ngành sợi nói riêng và ngành dệt may của Việt Nam nói chung rất lớn sau khi Việt Nam hoàn thành đàm phán TPP, FTA Việt Nam – Châu Âu, FTA Việt Nam – Hàn Quốc. 90% mặt hàng dệt may xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ (cũng như các nước thành viên khác của TPP) được điều chỉnh thuế suất về mức 0% so với mức trung bình 17% hiện tại nhưng sẽ đi kèm với quy định về nguyên tắc xuất xứ “từ sợi trở đi” bắt buộc các doanh nghiệp Việt Nam phải sử dụng nguyên liệu trong nước hoặc nhập khẩu từ các nước trong TPP để được hưởng thuế suất ưu đãi.

Điểm đáng lưu ý là Trung Quốc – nước đang chiếm thị phần xuất khẩu lớn nhất vào Hoa Kỳ đến hiện tại vẫn chưa tham gia đàm phán TPP (và nhiều khả năng sẽ không tham gia hiệp định này). Đây sẽ là lợi thế cạnh tranh rất đáng kể dành cho các doanh nghiệp Việt Nam nhưng đồng thời cũng là thách thức thúc đẩy doanh nghiệp trong nước phát triển hoạt động nhuộm sợi để giảm sự lệ thuộc sợi từ Trung Quốc, đáp ứng được yêu cầu của TPP và đạt được vị trí cao hơn



trong chuỗi giá trị dệt may toàn cầu. Các doanh nghiệp quy mô lớn, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước (đứng đầu là Tổng công ty dệt may VINATEX) có các dự án nhằm đón đầu hiệp định TPP. Trong năm 2015, VINATEX đưa ra kế hoạch triển khai 51 dự án mới, chủ yếu về sợi – dệt – nhuộm nhằm cung cấp nguyên liệu cho các doanh nghiệp trong tập đoàn.

Dòng vốn FDI đầu tư vào ngành dệt may tăng mạnh do hiệu ứng TPP. Từ năm 2014 đã có nhiều dự án FDI tập trung vào ngành dệt may, chủ yếu đến từ các nhà đầu tư Trung Quốc, Đài Loan, Hong Kong do nhận thức được sự dịch chuyển nguồn cung trong tương lai của Việt Nam nếu TPP có hiệu lực. Ngành dệt đóng góp 4,18 tỉ USD vốn FDI, chiếm 76,2% tổng vốn FDI được chấp thuận tính đến giữa năm 2015.

Ngoài TPP, ngành sợi và dệt may của Việt Nam còn được hưởng nhiều ưu đãi thông qua một số hiệp định như:

- Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) bao gồm 10 quốc gia thành viên Asean và 6 quốc gia mà ASEAN đã ký hiệp định thương mại tự do (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc và New Zealand) hướng tới mục tiêu hình thành Hiệp định thương mại tự do Đông Á và khởi đầu cho Đối tác Kinh tế toàn diện Đông Á. Theo hiệp định này hàng dệt may sản xuất từ nguyên phụ liệu của Trung Quốc sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc

- Hiệp định FTA Việt Nam – EU (EVFTA) đã hoàn tất quá trình đàm phán vào tháng 12/2015. Tuy nhiên Hiệp định này chỉ có thể có hiệu lực từ đầu năm 2018. EVFTA được giới chuyên môn kỳ vọng sẽ là một cú hích quan trọng, giúp mở rộng hơn nữa thị trường cho hàng xuất khẩu, đặc biệt là những sản phẩm mà hai bên có thế mạnh như dệt may, giày dép, nông thủy sản, đồ gỗ của Việt Nam và máy móc, thiết bị, ô tô, đồ uống có cồn, một số loại nông sản của EU. Đối với dệt may, giày dép và thủy sản (trừ cá ngừ đóng hộp và cá viên) của Việt Nam, EU sẽ xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu cho các sản phẩm của Việt Nam trong vòng 7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

- FTA Việt Nam – Liên minh thuế quan Belarus, Kazakhstan và Nga đang trong giai đoạn đàm phán.

8.2 So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các công ty cùng ngành

Tại thời điểm này, thông tin về các doanh nghiệp trong nhóm ngành sợi là tương đối ít do chỉ có một doanh nghiệp trong ngành này niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là Sợi Thế Kỳ. Tuy nhiên đặc thù sản phẩm sợi của Sợi Thế Kỳ là sợi Polyester, thế nên hiện tại chưa có công ty có mô hình sản xuất tương đồng với Damsan được niêm yết trên sàn. Vì thế các doanh nghiệp so sánh chủ yếu nằm trong ngành dệt may.



Bảng 13: Các chỉ tiêu tài chính năm 2015 của doanh nghiệp dệt may và sợi niêm yết
Đơn vị tính: tỷ đồng

Tên	Vốn hóa	Doanh thu	Biên LNG (%)	LNST	EPS	P/B	P/E	ROE (%)
CTCP Damsan		1.301	6,27	12	1.046			5,81
CTCP Sợi Thế Kỷ	1.391	1.035	18%	71	1.537	1,75	20,71	10,34
CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	1.316	2.795	15%	154	2.189	1,47	14,06	17,14
CTCP Đầu tư và Thương mại TNG	554	1.924	18%	71	2.986	1,28	6,35	16,66
CTCP Everpia	1.342	883	36%	114	4.128	1,52	6,54	12,52
CTCP May Phú Thịnh - Nhà Bè	29	42	14%	0	153	0,85	96,67	1,10
CTCP Sản xuất Thương mại May Sài Gòn	442	1.504	17%	69	6.196	1,71	5,94	26,50
CTCP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	736	1.079	18%	67	5.964	1,88	5,87	17,20

Nguồn: Tổng hợp của Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Ngày 11 tháng 4 năm 2014, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 3218/QĐ-BCT phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Dệt May Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quy hoạch). Với quan điểm phát triển ngành dệt may phải gắn với bảo vệ môi trường và xu thế dịch chuyển lao động nông nghiệp, nông thôn; chuyển mạnh sản xuất từ gia công sang mua nguyên liệu, bán thành phẩm, đảm bảo nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu và lấy xuất khẩu làm phương thức cơ sở cho sự phát triển của ngành..., quy hoạch định hướng phát triển các sản phẩm, lĩnh vực quan trọng như sau:

- Thứ nhất: tăng cường cho ngành may xuất khẩu để tận dụng cơ hội thị trường
- Thứ hai: xây dựng Chương trình sản xuất vải phục vụ xuất khẩu phát triển các sản phẩm dệt kỹ thuật, sản phẩm dệt phục vụ y tế



- Thứ ba: phát triển nguồn nguyên liệu xơ bông, các loại cây có xơ sợi, xơ sợi nhân tạo và phụ liệu.

Quy hoạch cũng đã xác định việc phát triển các nhà máy sợi, dệt, nhuộm tại các khu công nghiệp, khu chế xuất đã có cơ sở hạ tầng như Phố Nối - tỉnh Hưng Yên; Hòa Xá, Bảo Minh - tỉnh Nam Định; Phúc Khánh, Nguyễn Đức Cảnh - tỉnh Thái Bình; Tràng Duệ - thành phố Hải Phòng; Châu Sơn - tỉnh Hà Nam...Như vậy hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành và chính sách của Nhà nước. Với xu thế dịch chuyển các công ty sợi từ Trung Quốc sang Việt Nam và việc Hiệp định Thương mại Tự do Thái Bình Dương đã được ký kết, kỳ vọng về việc phát triển của các doanh nghiệp sợi là rất lớn. Đây là những cơ hội lớn và rõ ràng cho sự phát triển của Công ty.

Giai đoạn 2015 – 2017, Công ty tiếp tục tập trung sản xuất và khai thác 03 nhà máy sợi cùng phân xưởng khăn để có hiệu quả sản xuất ổn định. Các sản phẩm chính của Công ty sẽ tập trung vào việc xuất khẩu sợi và khăn bông, đặc biệt là khăn bông cao cấp.

Ngoài ra Công ty sẽ tiếp tục triển khai Dự án Nhà ở xã hội tại phường Quang Trung Thành phố Thái Bình để tận dụng nguồn vốn ưu đãi trong chính sách xây dựng quỹ nhà thu nhập thấp theo chủ trương của UBND tỉnh Thái Bình.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Tình hình lao động

Bảng 14: Cơ cấu lao động trong Công ty theo trình độ chuyên môn tại ngày 31/03/2016

TT	Loại lao động	Số lượng	Tỷ trọng đại học và trên đại học
1	Nhân viên gián tiếp	40	65%
2	Nhân viên trực tiếp	472	5%
	Tổng cộng	512	45%

Nguồn: Công ty Cổ phần Damsan

9.2 Chính sách đối với người lao động

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề đào tạo nhân lực và thực hiện chính sách thu hút và đào tạo lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

❖ Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: công ty thực hiện làm việc theo chính sách ca kíp. Công ty chia làm 03 ca/ngày. Công nhân làm việc theo ca với 8 giờ/ngày và 5,5 ngày/tuần. Ngoài ra, khi cần yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, Công ty thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.



Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, ốm đau, thai sản: Nhân viên được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.

Vấn phòng làm việc, nhà xưởng được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị phục vụ cho công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

❖ **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

Công ty Cổ phần Damsan luôn đánh giá yếu tố con người là nhân tố hàng đầu trong sự thành công của Công ty. Chính sách đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên là một trong những chính sách được ưu tiên phát triển hàng đầu của Damsan.

Về tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cơ chế tuyển dụng của Công ty luôn đảm bảo cơ hội bình đẳng, khách quan, minh bạch cho tất cả các ứng viên.

Theo từng vị trí cụ thể, công ty đề ra các yêu cầu cơ bản về trình độ chuyên môn cơ bản, ý thức phát triển nghề nghiệp và tính kỷ luật, trách nhiệm công việc. Đối với các vị trí quản lý, lãnh đạo, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, tác nghiệp độc lập, quyết đoán và các tiêu chí riêng khác của Công ty.

Về đào tạo: Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty cũng luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực thông qua chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức nghiệp vụ chuyên môn. Hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cho cán bộ công nhân viên thông qua các hình thức đào tạo nội bộ và sử dụng các chương trình đào tạo từ bên ngoài ở trong và ngoài nước. Các chương trình đào tạo cho cán bộ công nhân viên như: đào tạo về hội nhập, dịch vụ khách hàng, nghiệp vụ kế toán, thuế, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo...

❖ **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng, trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên nhằm đánh giá đúng năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân trong Công ty, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc.

Ngoài các chính sách lương, thưởng, phúc lợi theo quy định của pháp luật, cán bộ công nhân viên Công ty còn được hưởng một số quyền lợi ưu đãi khác như ưu tiên mua cổ phiếu, trái phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc và mức độ đóng góp của từng cá nhân cho Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hàng năm, Công ty đều tổ chức đánh giá năng lực, hiệu quả làm việc, mức độ đóng góp của cán bộ công nhân viên vào kết quả kinh doanh của toàn Công ty để có chính sách khen thưởng



phù hợp. Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi, nhiều kinh nghiệm để thu hút nhân lực giỏi làm việc tại Công ty.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,... theo quy định hiện hành của pháp luật lao động và mua Bảo hiểm sức khỏe, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

Về hoạt động đoàn thể, hàng năm, Công ty tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan nghỉ mát, dã ngoại và thực hiện đầy đủ các chế độ thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, thai sản, thai sản, hiếu, hỷ,... Đồng thời tổ chức các hoạt động văn hóa nhằm tăng cường sức mạnh đoàn kết tập thể, tạo môi trường giao tiếp, gắn kết, khuyến khích nhân viên phát huy năng lực.

10. Chính sách cổ tức

Chính sách cổ tức của Công ty được thực hiện căn cứ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và được Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Theo đó:

- Công ty chỉ thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

- Cổ đông được chia cổ tức căn cứ theo phần vốn góp tại Công ty. Tỷ lệ chi trả cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ trên đề xuất của Hội đồng quản trị và căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và kế hoạch sản xuất kinh doanh của các năm tiếp theo.

Giai đoạn 2010 – 2013, Công ty chia cổ tức khoảng 20% - 30%. Năm 2014 mức cổ tức là 17% bằng tiền mặt. Năm 2015 ĐHQĐĐ đã thông qua quyết định mức cổ tức 15% trong đó 10% bằng tiền mặt (đã chi trả trong tháng 3 năm 2016). Trong giai đoạn 2016 – 2017 Công ty dự kiến cổ tức sẽ ở mức từ 10% - 20%/năm.



11. Tình hình hoạt động tài chính của Công ty

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

❖ Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Bảng 15: Chính sách trích khấu hao các loại tài sản

Tài sản	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc thiết bị	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Phương tiện vận tải	07 - 10
Quyền sử dụng đất	33 - 34

Nguồn: Công ty cổ phần Damsan

❖ Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của Công ty trong năm 2015 đạt 5 triệu đồng/tháng, tăng 25% so với năm 2014.

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay và nợ. Tính đến thời điểm 31/03/2016 và thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

❖ Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật.



Bảng 16: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC Công ty mẹ		BCTC Hợp nhất	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
Thuế GTGT	-	36		36
Thuế TNDN	1.451		1.576	1.023
Thuế TNCN	356	1.305	356	1.304
Thuế nhà đất và tiền thuê đất		198		198
Tổng cộng	1.807	1.539	1.932	2.561

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2014 và 2015

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp Công ty cổ phần và theo Điều lệ Công ty. Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất và phải được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

Tại 31/12/2015 Công ty không trích lập các quỹ nào.

❖ **Tổng dư nợ vay**

Số dư các khoản nợ vay của Công ty như sau:

Bảng 17: Tình hình vay nợ của Công ty tại 31/12

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC Công ty mẹ		BCTC Hợp nhất	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Vay và nợ ngắn hạn	366.076	462.644	595.404	627.405
Vay và nợ dài hạn	82.560	122.495	55.260	122.495
Tổng cộng	448.636	585.139	650.664	749.900

Nguồn: BCTC riêng & hợp nhất kiểm toán năm 2014 và 2015

Bảng 18: Dư nợ vay và nợ của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Đối tượng	31/12/2015	31/12/2014
Vay ngắn hạn	366.076	462.644
Vay ngắn hạn bằng Đô la Mỹ	233.954	411.176
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Hà Nội	76.997	95.280
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Bình	8482,5	83.679



Đối tượng	31/12/2015	31/12/2014
Ngân hàng TMCP Quốc tế VN - CN Thái Bình	65.994	68.987
Ngân hàng No&PTNT CN Tây Đô - Hà Nội	31.695	52.414
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam- CN Thái Bình	10.567	31.274
Hội Sở NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng		24.858
Ngân hàng TMCP PT thành phố Hồ Chí Minh	25.970	24.125
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	9.628	14.532
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Thái Bình	4.621	
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội		9.015
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Thái Bình	-	3.824
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội	.	3.187
Vay ngắn hạn bằng Việt Nam Đồng	106.354	17.703
Ngân hàng No&PTNT CN Tây Đô - Hà Nội	32.625	17.703
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam- CN Thái Bình	35.384	-
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Hà Nội	21.800	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	3.500	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Bình	8.620	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Thái Bình	1.925	
Ngân hàng TMCP Quốc tế VN - CN Thái Bình	2.500	
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả	25.768	33.765
Vay dài hạn	82.560	122.495
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Hà Nội	7.459	16.155
+ <i>Bằng Đô la Mỹ</i>	7.459	16.155
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn -CN Tây Đô	51.825	59.485
+ <i>Bằng Việt Nam Đồng</i>	5.602	53.400
+ <i>Bằng Đô la Mỹ</i>	5.216	6.085
Hội Sở NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	10.106	12.032
+ <i>Bằng Đô la Mỹ</i>	10.697	12.032
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam- CN Thái Bình	-	46.260



Đối tượng	31/12/2015	31/12/2014
+ <i>Bằng Việt Nam Đồng</i>	-	46.260
Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam	657	1.534
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Bình	2.377	-
+ <i>Bằng Đô la Mỹ</i>	2.074	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư xây dựng ACC	19.800	
Công ty CP Sợi Eiffel	7.500	
Nợ dài hạn	15.719	20.795
Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam	15.719	20.795

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2014 và 2015

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

Chi tiết các khoản phải thu tại như sau:

Bảng 19: Các khoản phải thu của Công ty tại 31/12

Đơn vị: triệu đồng

Các khoản phải thu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Phải thu của khách hàng	83.020	71.307	113.517	81.796
Trả trước cho người bán	18.247	38.174	24.855	72.088
Các khoản phải thu khác	54.682	17.962	67.361	22.684
Dự phòng khó đòi	(3.556)	(2.465)	(3.556)	(2.568)
Tổng cộng	152.393	124.978	202.177	174.001

Nguồn: BCTC riêng & hợp nhất kiểm toán năm 2014 và 2015

Bảng 20: Các khoản phải trả của Công ty tại 31/12

Đơn vị: triệu đồng

Các khoản phải trả	BCTC Công ty mẹ		BCTC Hợp nhất	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Phải trả người bán	80.442	37.190	145.286	47.512
Người mua trả tiền trước	86.055	19.295	3.542	21.189
Phải trả nhân viên	2.744	4.947	2.770	5.690
Chi phí phải trả	204	207	509	231



Các khoản phải trả	BCTC Công ty mẹ		BCTC Hợp nhất	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.809	10.678	7.822	2.573
Tổng cộng	177.253	72.317	159.928	77.195

Nguồn: BCTC riêng & hợp nhất kiểm toán năm 2014 và 2015

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu qua các năm được trình bày qua bảng dưới đây:

Bảng 21: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,02	1,02	0,91	1,10
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,69	0,74	0,68	0,87
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,82	0,74	0,84	0,78
- Hệ số Nợ/Vốn CSH	Lần	4,48	2,86	5,32	3,51
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
- Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Bình quân hàng tồn kho)	Vòng	11,81	8,94	9,84	7,13
- DTT/Tổng tài sản BQ	Lần	1,82	1,75	1,59	1,23
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
- Hệ số LNST/DTT	%	1,00%	1,24%	1,43%	0,90%
- ROE (hệ số LNST/VCSH BQ)	%	9,75%	9,70%	11,68%	5,81%
- ROA (hệ số LNST/tổng TS BQ)	%	1,81%	2,17%	2,27%	1,11%
- Hệ số LNT từ hoạt	%	1,00%	1,16%	1,51%	0,92%



Chỉ tiêu	ĐVT	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015
động kinh doanh/DTT					

Khả năng thanh toán của Công ty khá an toàn, thể hiện qua chỉ số thanh toán ngắn hạn luôn trên 1 cho thấy Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng các tài sản ngắn hạn của mình. Tuy nhiên hệ số thanh toán nhanh lại thấp hơn 1 do giá trị hàng tồn kho của Công ty tương đối lớn. Nếu không tính hàng tồn kho thì khả năng thanh toán nhanh của Công ty ở mức 0,68 và 0,87 lần. Giá trị hàng tồn kho chủ yếu chi phí sản xuất kinh doanh dở dang nhà ở xã hội, khoản mục này đã giảm dần trong giai đoạn 2014– 2015 và cải thiện hệ số thanh toán nhanh.

Bên cạnh đó, chỉ số vòng quay hàng tồn kho ở mức quanh 10, tương đương số ngày hàng tồn kho ở mức dao động 1 – 2 tháng, cho thấy hàng tồn kho của Công ty khá thanh khoản. Bởi vậy, khả năng thanh toán của Công ty ở mức tốt. Bên cạnh đó vòng quay hàng tồn kho ở mức khá cao cho thấy đây là yếu tố tích cực về mặt quản trị vốn lưu động của Công ty.

Về cơ cấu vốn, cơ cấu nợ của Công ty có chiều hướng giảm dần thể hiện qua tỷ số nợ/ tổng tài sản ở báo cáo hợp nhất giảm từ 0,84 năm 2014 xuống 0,78 lần trong năm 2015. Chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nợ của Công ty đến từ nợ ngắn hạn tài trợ vốn lưu động. Chỉ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm mạnh là do Công ty đã giảm nợ vay ngắn hạn đồng thời trong năm 2015 Công ty đã có đợt tăng vốn thêm 60 tỷ đồng.

Chỉ tiêu sinh lời của Công ty giảm nhẹ do giá bông giảm mạnh khiến giá sợi giảm, cộng với đó, việc xử lý lượng bông tồn kho giá cao ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh bông của Công ty. Từ đó biên lợi nhuận đến từ hoạt động kinh doanh giảm. Tuy nhiên trong năm 2015, việc tiêu thụ hết được nhà ở xã hội đã giúp Công ty ghi nhận 143 tỷ doanh thu từ mảng hoạt động này, góp phần cải thiện lợi nhuận của Công ty, bù đắp cho sự sụt giảm của hoạt động sản xuất kinh doanh bông sợi. Trong năm 2015, diễn biến tỷ giá không ổn định, điều này ảnh hưởng tiêu cực đối với Công ty, gây phát sinh khoản lỗ lãi tỷ giá 10 tỷ đồng, cùng với đó áp lực phá giá đồng Nhân Dân Tệ cũng ảnh hưởng tới giá sợi xuất khẩu sang Trung Quốc. Những yếu tố này đã khiến cho biên lợi nhuận ròng hợp nhất giảm trong năm 2015. Tuy nhiên với chính sách tỷ giá mới của năm 2016, những khoản mục này được kì vọng sẽ cải thiện trong năm 2016.

Các chỉ tiêu lợi nhuận lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) và lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) đều giảm. Do quy mô của tổng tài sản tăng, nên ROA và hệ số DTT/tổng tài sản bình quân của Công ty giảm. ROE giảm do lợi nhuận sau thuế giảm trong năm 2015 đồng thời vốn chủ sở hữu tăng mạnh do phát hành thêm 60 tỷ vào cuối năm 2015. Theo kế hoạch đã được ĐHCĐ thường niên năm 2016 thông qua, khi nguồn vốn đầu tư cho nhà máy Eiffel phát huy tác dụng, Công ty ước lợi nhuận trước thuế 40 tỷ đồng. Khi đó ROE ước tính đạt 12,8%.

Như vậy Công ty có tình hình thanh khoản tốt, cơ cấu vốn lành mạnh và đang thay đổi theo chiều hướng giảm tỷ trọng nợ vay, hiệu quả hoạt động tốt, khả năng sinh lời bị ảnh hưởng tiêu



cực ngắn hạn bởi diễn biến chung của thị trường bông. Tuy nhiên việc doanh nghiệp bắt đầu vào giai đoạn hết khấu hao tài sản cố định từ năm 2016, cùng với chính sách tỷ giá mới linh hoạt hơn, sẽ sớm cải thiện biên lợi nhuận.

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1 Cơ cấu và thành phần Hội đồng quản trị

a. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1. Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Điều hành
2. Đỗ Văn Khôi	Thành viên HĐQT	Không điều hành
3. Vũ Huy Đức	Thành viên HĐQT	Không điều hành
4. Nguyễn Lê Hùng	Thành viên HĐQT	Không điều hành
5. Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	Độc lập không điều hành

b. Sơ yếu lý lịch các thành viên

➤ Ông Vũ Huy Đông – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

1/ Họ và tên:	Vũ Huy Đông
2/ Giới tính: Nam	Nam
3/ Ngày tháng năm sinh:	21/06/1955
4/ Nơi sinh:	Thái Bình
5/ CMND:	150011086, ngày cấp 08/05/2009, nơi cấp TP.Thái Bình
6/ Quốc tịch:	Việt Nam
7/ Dân tộc:	Kinh
8/ Địa chỉ thường trú:	Số nhà 08 Đường Trần Bình Trọng, Tp.Thái Bình
9/ Số điện thoại công ty:	0987696688
10/ Địa chỉ email:	
11/ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương
12/ Quá trình công tác:	
- 1976-1979:	Học Đại học Ngoại thương
- 1980-1989:	Nhân viên Phòng Kế hoạch Công ty CTMNXX Thái Bình
- 1990-2004:	Cửa hàng Trưởng Công ty XNK Thái Bình
- 2005-2007:	Giám đốc Công ty thương mại đầu tư Thái Bình kiêm Giám đốc Công ty CP dệt sợi



DamSan	
- 2006-2015: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Dệt sợi DamSan	
-2015 – nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP DamSan	
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	
13.1 Chức vụ tại tổ chức niêm yết (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức niêm yết): Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Damsan	
13.2 Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có)): - Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình.	
14/ Tổng số CP nắm giữ: 4.069.800 cổ phần, chiếm 25,33% vốn điều lệ. Trong đó:	
+ Đại diện phần vốn tổ chức khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ	
+ Cá nhân sở hữu: 4.069.800 cổ phần, chiếm 25,33% vốn điều lệ	
15/Các cam kết nắm giữ (nếu có): Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Công ty Cổ phần Damsan trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	
- Bà Lương Thị Dung – vợ, nắm giữ: 152.700 CP, chiếm 0,95% vốn điều lệ	
- Ông Vũ Huy Đức – con trai, nắm giữ: 1.120.000 CP, chiếm 6,97% vốn điều lệ	
- Bà Vũ Phương Diệp – con gái, nắm giữ 720.000 CP chiếm 4,48% vốn điều lệ	
- Ông Vũ Xuân Chiều – anh trai, nắm giữ 10.000 CP chiếm 0,06% vốn điều lệ	
- Bà Vũ Thị Thảo – chị gái, nắm giữ 10.000 CP chiếm 0,06% vốn điều lệ	
- Bà Vũ Thị Thoa – em gái, nắm giữ 100.000 CP chiếm 0,62% vốn điều lệ	
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và quy chế hoạt động Công ty
19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

➤ **Ông Đỗ Văn Khôi – Thành viên HĐQT**

1/ Họ và tên:	Đỗ Văn Khôi
2/ Giới tính: Nam	Nam
3/ Ngày tháng năm sinh:	07/04/1956
4/ Nơi sinh:	Hà Nội



5/ CMND:	010060392, ngày cấp 02/11/2011, nơi cấp Tp.Hà Nội
6/ Quốc tịch:	Việt Nam
7/ Dân tộc:	Kinh
8/ Địa chỉ thường trú:	15 Kim Đồng - Giáp Bát - Hà Nội
9/ Số điện thoại công ty:	0903.424.745
10/ Địa chỉ email:	
11/ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương
12/ Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> - 1977 – 2015: nhân viên Công ty CP XNK thủ công mỹ nghệ - 2006 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Damsan
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	
13.1 Chức vụ tại tổ chức niêm yết (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức niêm yết):	Thành viên HĐQT CTCP Damsan
13.2 Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác):	- Không có
14/ Tổng số CP nắm giữ: 900.000 cổ phần, chiếm 5,60% vốn điều lệ. Trong đó:	
+ Đại diện phần vốn tổ chức khác: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
+ Cá nhân sở hữu: 900.000 cổ phần, chiếm 5,6% vốn điều lệ	
15/Các cam kết nắm giữ (nếu có):	Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Công ty Cổ phần Damsan trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Đỗ Đức Khang – con trai, nắm giữ: 750.000 CP, chiếm 4,67% vốn điều lệ - Bà Đỗ Thị Khuyên – con gái, nắm giữ 200.000 CP chiếm 1,24% vốn điều lệ
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên
19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

➤ **Ông Vũ Huy Đức – Thành viên HĐQT**

1/ Họ và tên:	Vũ Huy Đức
---------------	------------



2/ Giới tính: Nam	Nam
3/ Ngày tháng năm sinh:	17/10/1979
4/ Nơi sinh:	Thái Bình
5/ CMND:	151218503, ngày cấp 20/08/2011, nơi cấp Tp.Thái Bình
6/ Quốc tịch:	Việt Nam
7/ Dân tộc:	Kinh
8/ Địa chỉ thường trú:	Số nhà 52, tổ 53, Phường Bò Xuyên, Tp.Thái Bình
9/ Số điện thoại công ty:	0904085026
10/ Địa chỉ email:	
11/ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
12/ Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> - 2000-2005: Cán bộ quản lý tại Công ty TNHH Minh Trí - 2005-2010: Giám đốc Nhà máy sợi Đông Phong - 2010-2016: Giám đốc Công ty TNHH Đông Phong
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	
13.1 Chức vụ tại tổ chức niêm yết (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức niêm yết):	Thành viên HĐQT CTCP Damsan
13.2 Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có)):	- Giám đốc Công ty TNHH Đông Phong
14/ Tổng số CP nắm giữ: 1.120.000 cổ phần, chiếm 6,97% vốn điều lệ. Trong đó:	
+ Đại diện phần vốn tổ chức khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ	
+ Cá nhân sở hữu: 1.120.000 cổ phần, chiếm 6,97% vốn điều lệ	
15/Các cam kết nắm giữ (nếu có):	Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Công ty Cổ phần Damsan trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Vũ Huy Đông – Bố, nắm giữ: 4.069.800 CP, chiếm 25,33% vốn điều lệ - Bà Lương Thị Dung – Mẹ, nắm giữ: 152.700 CP, chiếm 0,95% vốn điều lệ - Bà Vũ Phương Diệp – Em gái, nắm giữ 720.000 CP chiếm 4,48% vốn điều lệ - Bà Đào Thị Duyên – Vợ, nắm giữ 90.000 CP, chiếm 0,56% vốn điều lệ



17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên
19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

➤ **Ông Nguyễn Lê Hùng – Thành viên HĐQT**

1/ Họ và tên:	Nguyễn Lê Hùng
2/ Giới tính: Nam	Nam
3/ Ngày tháng năm sinh:	30/08/1973
4/ Nơi sinh:	Hà Nội
5/ CMND:	11652545, ngày cấp 16/08/2007, nơi cấp Tp.Hà Nội
6/ Quốc tịch:	Việt Nam
7/ Dân tộc:	Kinh
8/ Địa chỉ thường trú:	P1404 – 27 Huỳnh Thúc Kháng – Phường Láng Hạ - Quận Đống Đa – Tp.Hà Nội
9/ Số điện thoại công ty:	0903.423.008
10/ Địa chỉ email:	
11/ Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư xây dựng – Đại học Xây dựng
12/ Quá trình công tác:	
- Từ năm 1995 đến nay:	Giám đốc Tài chính Công ty TNHH Minh Trí
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	
13.1 Chức vụ tại tổ chức niêm yết (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức niêm yết):	Thành viên HĐQT CTCP Damsan
13.2 Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác):	
- Giám đốc Tài chính Công ty TNHH Minh Trí	
14/ Tổng số CP nắm giữ: 1.860.000 cổ phần, chiếm 11,57% vốn điều lệ. Trong đó:	
+ Đại diện phần vốn tổ chức khác: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
+ Cá nhân sở hữu: 1.860.000 cổ phần, chiếm 11,57% vốn điều lệ	
15/Các cam kết nắm giữ (nếu có):	
Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Công ty Cổ phần Damsan trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK	



16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có	
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên
19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

➤ **Ông Lê Văn Tuấn – Thành viên HĐQT độc lập**

1/ Họ và tên:	Lê Văn Tuấn
2/ Giới tính: Nam	Nam
3/ Ngày tháng năm sinh:	01/07/1961
4/ Nơi sinh:	Thái Bình
5/ CMND:	011841151 do CA Hà Nội cấp ngày 27/05/2010
6/ Quốc tịch:	Việt Nam
7/ Dân tộc:	Kinh
8/ Địa chỉ thường trú:	Căn hộ A14, Nhà C6, TTQĐ Tôn Thất Thiệp, P. Điện Biên, Ba Đình, TP.Hà Nội
9/ Số điện thoại công ty:	0982.968.888
10/ Địa chỉ email:	
11/ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
12/ Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 1985-1990: Công ty Dầu lửa Trung Ương - Từ 1991- 1995: Công ty XNK Nacnimex. - Từ 1996- nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần Thanh Bình Hà Nội
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	
13.1 Chức vụ tại tổ chức niêm yết (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức niêm yết): Thành viên HĐQT CTCP Damsan	
13.2 Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có):	
- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thanh Bình Hà Nội	
14/ Tổng số CP nắm giữ: 300.000 cổ phần, chiếm 1,87% vốn điều lệ. Trong đó:	
+ Đại diện phần vốn tổ chức khác: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
+ Cá nhân sở hữu: 300.000 cổ phần, chiếm 1,87% vốn điều lệ	



15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Công ty Cổ phần Damsan trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK	
16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: - Bà Nguyễn Thị Mên – Vợ: nắm giữ 500.000 CP chiếm 3,11% vốn điều lệ	
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên
19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

12.2 Cơ cấu và thành phần Ban kiểm soát

a. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
1. Vũ Văn Hiệu	Trưởng Ban kiểm soát
2. Phạm Thị Hồi	Thành viên Ban kiểm soát
3. Vũ Thùy Linh	Thành viên Ban kiểm soát

b. Sơ yếu lý lịch các thành viên

➤ Ông Vũ Văn Hiệu – Trưởng Ban kiểm soát

1/ Họ và tên:	Vũ Văn Hiệu
2/ Giới tính: Nam	Nam
3/ Ngày tháng năm sinh:	20/05/1977
4/ Nơi sinh:	Thái Bình
5/ CMND:	151350043 Ngày cấp: 31/05/2004 tại Công an Tỉnh Thái Bình
6/ Quốc tịch:	Việt Nam
7/ Dân tộc:	Kinh
8/ Địa chỉ thường trú:	Thôn Kim – Xã Vũ Lạc – TP Thái Bình
9/ Số điện thoại công ty:	0982267555
10/ Địa chỉ email:	
11/ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
12/ Quá trình công tác:	



- 2005-2009: Nhân viên Phòng kinh doanh Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình
- 2009-nay: Phó phòng kinh doanh Công ty CP Damsan
- 2015 – nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Damsan

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:

13.1 Chức vụ tại tổ chức niêm yết (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức niêm yết): Trưởng ban Kiểm soát CTCP Damsan

13.2 Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có):
Không có

14/ Tổng số CP nắm giữ: 27.000 cổ phần, chiếm 0,17% vốn điều lệ. Trong đó:

+ Đại diện phần vốn tổ chức khác: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 27.0000 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

15/Các cam kết nắm giữ (nếu có):

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Công ty Cổ phần Damsan trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK

16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

- Ông Vũ Xuân Chiêu – bố: nắm giữ 10.000 CP chiếm 0,06% vốn điều lệ

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên

19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

➤ **Bà Phạm Thị Hồi – Thành viên Ban kiểm soát**

1/ Họ và tên:	Phạm Thị Hồi
2/ Giới tính: Nam	Nữ
3/ Ngày tháng năm sinh:	20/08/1981
4/ Nơi sinh:	Thái Bình
5/ CMND:	151226502 Ngày cấp: 29/11/2013 tại Công an Tỉnh Thái Bình
6/ Quốc tịch:	Việt Nam
7/ Dân tộc:	Kinh
8/ Địa chỉ thường trú:	Xã Tân Hòa – Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình
9/ Số điện thoại công ty:	0982807886



10/ Địa chỉ email:	
11/ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kế toán Học viện Tài chính
12/ Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> - 2004-2006: Nhân viên kế toán - Công ty TNHH Kiến trúc Rồng Việt Đà Nẵng - 2006-2008: Nhân viên kế toán - Công ty CP Dệt sợi Damsan - 2008-2012: Phó phòng kinh doanh – Công ty CP Dệt sợi Damsan - 2013 – nay: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC - 2012 - nay: Phó phòng Tổ chức nhân sự - Công ty CP Dệt sợi Damsan - 2015 – nay: Thành viên BKS Công ty CP Damsan
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	
13.1 Chức vụ tại tổ chức niêm yết (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức niêm yết):	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Damsan
13.2 Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có)):	Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC
14/ Tổng số CP nắm giữ: 3.000 cổ phần, chiếm 0,019% vốn điều lệ. Trong đó:	
+ Đại diện phần vốn tổ chức khác: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
+ Cá nhân sở hữu: 3.000 cổ phần, chiếm 0,019% vốn điều lệ	
15/Các cam kết nắm giữ (nếu có):	Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Công ty Cổ phần Damsan trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không có
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên
19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

➤ **Bà Vũ Thùy Linh – thành viên Ban kiểm soát**

1/ Họ và tên:	Vũ Thùy Linh
2/ Giới tính: Nam	Nữ
3/ Ngày tháng năm sinh:	12/03/1986
4/ Nơi sinh:	Thái Bình



5/ CMND:	034186001233 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 05/06/2015
6/ Quốc tịch:	Việt Nam
7/ Dân tộc:	Kinh
8/ Địa chỉ thường trú:	Tổ 35 – Phường Hoàng Diệu – TP Thái Bình
9/ Số điện thoại công ty:	0944209208
10/ Địa chỉ email:	
11/ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
12/ Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> - 2011-2015: Nhân viên Phòng kinh doanh Công ty CP Dệt sợi Damsan - 2015 - nay: Thành viên BKS Công ty CP Damsan
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	
13.1 Chức vụ tại tổ chức niêm yết (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức niêm yết):	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Damsan
13.2 Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có):	Không có
14/ Tổng số CP nắm giữ: 15.000 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ. Trong đó:	
+ Đại diện phần vốn tổ chức khác: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
+ Cá nhân sở hữu: 15.000 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ	
15/Các cam kết nắm giữ (nếu có):	Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Công ty Cổ phần Damsan trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Vũ Văn Nhưông – Bố, nắm giữ 500 cổ phiếu chiếm 0,0031% vốn điều lệ;
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên
19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

12.3 Cơ cấu và thành phần Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

a. Danh sách thành viên Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng



Họ tên	Chức vụ
1. Vũ Huy Đông	Tổng giám đốc
2. Lê Xuân Chiến	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

b. Sơ yếu lý lịch các thành viên

➤ **Ông Vũ Huy Đông – Tổng giám đốc**

Đã trình bày tại mục 12.2b

➤ **Ông Lê Xuân Chiến – Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng**

1/ Họ và tên:	Lê Xuân Chiến
2/ Giới tính: Nam	Nam
3/ Ngày tháng năm sinh:	09/10/1983
4/ Nơi sinh:	Thái Bình
5/ CMND:	151365101 do CA Thái Bình cấp 23/07/2013
6/ Quốc tịch:	Việt Nam
7/ Dân tộc:	Kinh
8/ Địa chỉ thường trú:	Xã Vũ Thắng – Huyện Kiến Xương – TP Thái Bình
9/ Số điện thoại công ty:	0904777313
10/ Địa chỉ email:	
11/ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Học viện Tài Chính
12/ Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none">- 2005-2006: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Tây Hồ- 2006-2007: Công ty Cổ phần Sông Đà 12- 2007-2008: Nhân viên kế toán - Công ty CP Dệt sợi Damsan- 2008-2009: Phó phòng Kế toán - Công ty CP Dệt sợi Damsan- 2009-2014: Trưởng phòng Kế hoạch tài chính kiêm Phó Phòng kế toán - Công ty CP Dệt sợi Damsan- 2014-2015: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng kế hoạch Tài chính - Công ty CP Dệt sợi Damsan- 2016 - nay: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng - Công ty CP Damsan
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	
<i>13.1 Chức vụ tại tổ chức niêm yết (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức niêm yết):</i> Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng CTCP Damsan	



13.2 Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có)): - Không có	
14/ Tổng số CP nắm giữ: 346.000 cổ phần, chiếm 2,15% vốn điều lệ. Trong đó:	
+ Đại diện phần vốn tổ chức khác: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
+ Cá nhân sở hữu: 346.000 cổ phần, chiếm 2,15% vốn điều lệ	
15/Các cam kết nắm giữ (nếu có): Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Công ty Cổ phần Damsan trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDK	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	
<ul style="list-style-type: none"> - Ông Lê Văn Hiếu – bố: nắm giữ 1000 CP chiếm 0,006% vốn điều lệ - Bà Vũ Thị Đào – mẹ: nắm giữ 1.000 CP chiếm 0,006% vốn điều lệ - Bà Bùi Thị Hương – vợ: nắm giữ 1.000 CP chiếm 0,006% vốn điều lệ - Bà Lê Thị Huệ – em gái: nắm giữ 1.000 CP chiếm 0,006% vốn điều lệ 	
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Quy chế hoạt động Công ty
19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

13. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)

Bảng 22: Danh sách đất đai tại ngày 31/12/2015

	Nhà máy I	Nhà máy II	Nhà máy III
Địa điểm	Lô A4, đường Bùi Viện, khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	Khu công nghiệp Gia Lễ, Huyện Đông Hưng, Thái Bình	Khu công nghiệp Gia Lễ, Huyện Đông Hưng, Thái Bình
Diện tích	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đất: 22.253 m² ▪ Nhà xưởng: 18.000 m² 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đất: 36.431.6 m² ▪ Nhà xưởng: 24.000 m² 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đất 23.568,4 ▪ Nhà xưởng: 20.000m²
Thuê đất	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đơn vị cho thuê: UBND Tỉnh Thái Bình ▪ Thời gian thuê: 34. năm ▪ Tiền thuê: 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đơn vị cho thuê: UBND Tỉnh Thái Bình ▪ Thời gian thuê: 33 năm ▪ Tiền thuê: 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đơn vị cho thuê: UBND Tỉnh Thái Bình ▪ Thời gian thuê: 48 năm ▪ Tiền thuê:



0,11USD/m ² /năm, đóng tiền hàng năm. ▪ Hợp đồng thuê đất số 68HD/TĐ ngày 01/09/2006 ▪ Giấy chứng nhận QSD đất số AE850900 cấp ngày 24/08/2006	3.500VND/m ² /năm, đóng tiền hàng năm. ▪ Hợp đồng thuê đất số 78HD/TĐ ngày 25/07/2007 ▪ Giấy chứng nhận QSD BG/356643 cấp ngày 26/07/2007	8.400VND/m ² /năm, đóng tiền hàng năm. ▪ Hợp đồng thuê đất số 02HD-TĐ ngày 08/01/2016 ▪ Giấy chứng nhận QSD BQ 449961 cấp ngày 05/01/2016
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Nguồn: Công ty Cổ phần Damsan

Bảng 23: Tài sản cố định hợp nhất tại ngày 31/12/2015

Tài sản	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	365.754	192.697	173.058
Nhà cửa vật kiến trúc	67.934	19.516	48.418
Phương tiện vận tải	5.426	1.591	3.834
Thiết bị dụng cụ quản lý	539	349	190
Máy móc và thiết bị	291.856	171.241	120.615
Tài sản cố định thuê tài chính	35.385	4.718	30.667
Máy móc và thiết bị	35.385	4.718	30.667
Tài sản cố định vô hình	2.285	690	1.595
Quyền sử dụng đất	1.925	433	1.492
Phần mềm máy tính	360	257	103
Tổng cộng	403.424	198.105	205.320

Nguồn: Công ty Cổ phần Damsan

Bảng 24: Một số tài sản máy móc thiết bị Công ty đang sở hữu

TT	Tên máy	Năm sử dụng	Số lượng	Xuất xứ
1	Máy bông chải ghép	5	2	Đức
2	Dây cung bông	7	1	Trung Quốc
3	Thiết bị dàn cung bông	8	1	Trung Quốc
4	Máy đánh ống Murata	7	2	Đức
5	Máy kéo sợi OE	6	12	Đức
6	Máy dệt Doby	5	1	Italy



7	Máy sợi thô KGFA41	1	1	Italy
8	Máy đánh ống SAVIO	1	1	Đức
9	Máy chải thô	1	4	Đức
10	Máy ghép cúi sợi thô	1	1	Đức
11	Máy tách lọc xơ ngoại lai	1	1	Italy
12	Máy kéo sợi con	1	10	Đức

Nguồn: Công ty Cổ phần Damsan

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

Bảng 25: Kế hoạch lợi nhuận của Công ty giai đoạn 2015 – 2016

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	
		Thực hiện	Kế hoạch	% thay đổi vs 2015
Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.504.079	1.500.000	-0,27%
Lợi nhuận sau thuế		18.625	32.000	71,81%
Vốn CSH		160.700	260.700	-
Tỷ lệ LNST/DTT	%	1,23%	2,13%	5,86%
Tỷ lệ LNST/Vốn CSH	%	5,81%	12,8%	120%
Cổ tức	%	15%	15%	-

Nguồn: Công ty Cổ phần Damsan

❖ Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Kế hoạch kinh doanh năm 2016 của Công ty được xây dựng dựa trên các giả định chắc chắn và mang tính thận trọng cao về tình hình kinh tế nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh nói riêng của Công ty. Bản thân doanh nghiệp đã có những bước đầu tư cụ thể, với lộ trình rõ ràng, đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua. Cụ thể:

▪ Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh bông sợi

Năm 2015 Công ty đã hoàn thành việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Sợi Eiffel. Với 40.000 cọc sợi và công suất thiết kế 600 tấn/tháng sợi CD, Sợi Eiffel nâng tổng công suất của Damsan lên 87.000 cọc sợi và 3.400 roto với năng lực sản xuất 16.560 tấn sợi/năm.

▪ Đối với hoạt động sản xuất khăn

Công ty đã đầu tư thêm hệ thống máy dệt nâng công suất sản xuất khăn cao cấp lên 100% và khăn thủ công 50%. Với phương án đầu tư nêu trên, Công ty dự kiến sẽ có tổng công suất khoảng 2.760 tấn khăn/năm.

Bảng 26: Kế hoạch sản xuất giai đoạn 2016 – 2017



TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
1.	Sản xuất sợi OE	6,000	6,000
2.	Sản xuất sợi CD	6,000	10,000
3.	Sợi CD gia công	4,881	8,000
4.	Khăn bông SX	1,500	2,400
5.	Doanh thu	1.700	2.100
6.	Lợi nhuận trước thuế	40	60

Nguồn: Công ty Cổ phần Damsan

▪ **Đối với hoạt động kinh doanh nhà ở xã hội**

Trong năm 2015, Công ty Cổ phần DamSan đã hoàn tất việc bàn giao tòa nhà tại số 56 đường Trần Hưng Đạo, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình cho người dân. Doanh thu dự kiến của dự án Nhà ở xã hội tại Lê Hồng Phong là 126 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế ghi nhận vào trong năm 2015 là 15 tỷ đồng.

Dự án tại phường Quang Trung là dự án tiếp nối của dự án tại Lê Hồng Phong, dự kiến mang lại doanh thu 352 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 35 tỷ trong giai đoạn 2016 - 2017.

❖ **Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua**

ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 của Công ty đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 trong đó có kế hoạch đầu tư vào Dự án Nhà ở xã hội tại Phường Quang Trung Thành phố Thái Bình..

Dự án và hạng mục đầu tư	Giá trị đầu tư (tỷ đồng)	Số lượng căn hộ	Năm đầu tư
Dự án Quang Trung	126	150 căn nhà ở xã hội và 100 căn nhà liền kề	10/2015 - 06/2017
Hạ tầng khu đô thị Quang Trung	120		10/2015 - 06/2017
Tổng nhu cầu đầu tư	246		

❖ **Kế hoạch tăng vốn điều lệ**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/03/2016 đã thông qua:

(i) **Phương án phát hành cổ phần tăng vốn từ 160,7 tỷ đồng lên 260,7 tỷ đồng** trong năm 2016. Nhằm mục đích tăng cường năng lực sản xuất và mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, Công ty sẽ phát hành cổ phần tăng vốn cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 100:63 trong năm



2016 sau khi cổ phiếu Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

(ii) Phương án phát hành riêng lẻ trái phiếu chuyển đổi có giá trị 50 tỷ đồng cho dưới 100 nhà đầu tư trong và ngoài nước có lãi suất cố định 9%/năm cho đến ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ hạn 3 năm kể từ ngày hoàn thành việc phát hành.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội đã thu thập và xem xét các thông tin về cơ cấu tổ chức và hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Damsan do Công ty cung cấp tại thời điểm lập Bản cáo bạch. Công ty cổ phần Damsan đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho SSI và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi nhận thấy Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, Ban lãnh đạo và đội ngũ quản lý có trình độ và tâm huyết đối với doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua tương đối tốt.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch kinh doanh của Công ty Cổ phần Damsan phụ thuộc vào tình hình thị trường của các mảng hoạt động kinh doanh nêu trên. Tuy nhiên chúng tôi đánh giá kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức Công ty đưa ra có thể thực hiện được nếu các dự đoán, nhận định của Ban lãnh đạo Công ty về thị trường là sát với thực tế và không có những biến động nghiêm trọng ảnh hưởng đến các lĩnh vực kinh doanh cũng như các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty.

Lưu ý: Những đánh giá và nhận định của tổ chức tư vấn chỉ mang tính chất tham khảo, không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty cũng như bao hàm hay đảm bảo cho giá cổ phiếu của Công ty cổ phần Damsan.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Cam kết bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 12 tháng 03 năm 2016 của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2015 ở mức 15% vốn điều lệ, trong đó Công ty đã thực hiện chi trả 10% cổ tức bằng tiền mặt trong tháng 04 năm 2016.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có



V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. **Loại chứng khoán:** Cổ phần phổ thông

2. **Mã chứng khoán:** ADS

3. **Mệnh giá**

10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần

4. **Tổng số chứng khoán niêm yết**

16.070.000 (Mười sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn) cổ phiếu

5. **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật**

Căn cứ quy định tại Điều 53 Mục 1 Nghị định 58/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 07 năm 2012: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”. Chi tiết như sau:

TT	Họ và tên	Số CMT	Chức vụ	SLCP bị hạn chế
I	Hội đồng quản trị			
1.	Vũ Huy Đông	150011086	Chủ tịch HĐQT	4.069.800
2.	Đỗ Văn Khôi	010060392	Thành viên	900.000
3.	Vũ Huy Đức	151218503	Thành viên	1.120.000
4.	Nguyễn Lê Hùng	011652545	Thành viên	1.860.000
5.	Lê Văn Tuấn	011841141	Thành viên	300.000
II	Ban Kiểm Soát			
1.	Vũ Văn Hiệu	151350043	Trưởng ban	27.000
2.	Phạm Thị Hồi	151226502	Thành viên	3.000
3.	Vũ Thùy Linh	151490774	Thành viên	15.000
III	Ban Tổng Giám đốc			
1.	Vũ Huy Đông	150011086	Tổng Giám đốc	4.069.800



2	Lê Xuân Chiến	151365101	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	346.000
---	---------------	-----------	-------------------------------------------	---------

6. Phương pháp tính giá

Giá niêm yết dự kiến được tính theo giá trung bình (có tính đến trọng số) của 2 phương pháp:

- Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu/thu nhập mỗi cổ phần P/E (*gọi tắt là phương pháp so sánh P/E*)
- Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu trên/ giá trị sổ sách mỗi cổ phần P/B (*gọi tắt là phương pháp P/B*)

Khi sử dụng hệ số của nhóm các doanh nghiệp để so sánh, điểm quan trọng là phải chọn lọc được nhóm cổ phiếu của các doanh nghiệp tương đồng. Theo đó, các doanh nghiệp được lựa chọn so sánh với Damsan đều nằm trong ngành dệt may.

❖ Phương pháp so sánh theo P/E

Phương pháp này dựa trên thu nhập năm 2015 của Damsan và hệ số giá trên thu nhập (P/E) bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

TT	Công ty	Mã CK	Số lượng CPLH	Giá CP 31/05/2016	EPS 2015	P/E
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[5]/[6]
1	CTCP Sợi Thế Kỷ	STK	46.535.835	24.700	1.537	16,07
2	CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	TCM	49.099.501	26.300	2.189	12,01
3	CTCP Sản xuất Thương mại May Sài Gòn	GMC	11.130.960	38.000	6.196	6,13
4	CTCP Everpia Việt Nam	EVE	27.507.218	47.000	4.128	11,39
	P/E bình quân					11,40

Với số liệu trung bình của các công ty cùng ngành như trên thì giá cổ phiếu của Damsan được xác định tương ứng như sau:

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) theo BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015	1.046 VND/CP
----------------------------------------------------------------------	--------------



Giá trị cổ phiếu = P/E bình quân * EPS 2015

11.925 VND/CP

❖ Phương pháp so sánh theo P/B

Phương pháp này dựa trên giá trị sổ sách ngày 31/12/2015 của Damsan và hệ số giá trên giá trị sổ sách (P/B) bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

TT	Công ty	Mã CK	Số lượng CPLH	Giá CP 31/05/2016	GTSS 31/12/2015	P/B
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[5]/[6]
1	CTCP Sợi Thế Kỷ	STK	46.535.835	24.700	14.822	1,67
2	CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	TCM	49.099.501	26.300	18.242	1,44
3	CTCP Sản xuất Thương mại May Sài Gòn	GMC	11.130.960	38.000	23.379	1,63
4	CTCP Everpia Việt Nam	EVE	27.507.218	47.000	32.973	1,43
	P/B bình quân					1,54

Với số liệu trung bình của các công ty cùng ngành như trên thì giá cổ phiếu của Damsan được xác định tương ứng như sau:

Vốn chủ sở hữu hợp nhất tại 31/12/2015	234.105.611.977 VND
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại 31/12/2015	16.070.000
GTSS/ 1 cổ phiếu của tại 31/12/2015	14.568 VND
Giá trị cổ phiếu = P/B bình quân * GTSS tại 31/12/2015	22.435 VND

Tổng hợp kết quả:

Phương pháp	Kết quả (VND)	Trọng số
So sánh P/B	22.435	50%
So sánh P/E	11.925	50%
Giá cổ phiếu tính theo trọng số	17.180	

Phương pháp tính giá theo P/B phản ánh tốt nhất tài sản Công ty đang sở hữu. Phương pháp tính giá theo P/E thể hiện được mối tương quan giữa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành trên thị trường. Vì vậy Công ty tính toán giá cổ phiếu đề xuất đăng ký niêm yết theo trung bình giá của hai phương pháp nêu trên.



Theo đó Công ty đề xuất mức giá niêm yết để nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ở mức 17.000VND/cổ phiếu (mười bảy ngàn đồng chẵn trên một cổ phiếu).

Tùy thuộc quan điểm của mỗi đối tượng nhà đầu tư, giá cổ phiếu Công ty Cổ phần Damsan sẽ được đánh giá theo các góc độ khác nhau và tỷ trọng ưu tiên cho mỗi phương pháp định giá là khác nhau. Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá và tình hình thị trường tại thời điểm chính thức giao dịch, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Damsan hiện nay không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty.

Theo Điều 1 Khoản 2 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau: (i) không hạn chế tỷ lệ (trừ khi Điều lệ công ty có quy định khác), (ii) trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì theo điều ước quốc tế, (iii) nếu hoạt động của công ty thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật có quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó, (iv) nếu công ty hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu của nước ngoài thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%, (v) công ty hoạt động đa ngành nghề có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác. Nghị định 60 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/09/2015.

Hiện nay các ngành nghề kinh doanh của công ty không thuộc trường hợp hạn chế tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài. Do các văn bản pháp luật đang trong quá trình điều chỉnh và hoàn thiện, đồng thời, với định hướng phát triển hiện tại, nên Công ty định hướng sẽ áp dụng tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất thông qua vấn đề này.

Tại thời điểm đăng ký niêm yết, chỉ có 01 nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ 0,81% cổ phần của Công ty. Tỷ lệ này hoàn toàn tuân theo quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty.



8. Các loại thuế có liên quan

8.1 Thuế liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp

❖ Thuế giá trị gia tăng

Chi tiết mức thuế GTGT áp dụng với các hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

- Thuế suất 10%: áp dụng với tất cả các dịch vụ

❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ dự án Nhà máy Damsan I là thuế suất 15% áp dụng trong 12 năm, miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo.

Thu nhập từ dự án Nhà máy Damsan II được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế suất 20% áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo.

Thu nhập từ dự án Xây dựng nhà thu nhập thấp được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế suất 10%.

Năm 2015 là năm thứ 9 Công ty có lãi từ dự án Nhà máy Damsan I và là năm thứ 5 Công ty có lãi từ dự án Nhà máy Damsan II.

❖ Các loại thuế khác

Các loại thuế khác như: Thuế tài nguyên, thuế môn bài, thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân... Công ty thực hiện theo các quy định hiện hành tại Việt Nam.

Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

8.2 Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty

❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:



+ Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.

+ Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.

+ Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

- Kỳ tính thuế:

+ Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.

+ Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

- Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

+ Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.

+ Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau: Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.



VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3936 6321

Fax: (04) 3936 6311

Website: www.ssi.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Địa chỉ: Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa – Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84) 222 12 891

Fax: (84) 222 12 892

Website: www.ifcvietnam.com.vn



VII. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN

STT	Tài liệu
I.	Các quy định chung
1	Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014
2	Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005
II.	Các văn bản liên quan đến ngành dệt may và sợi
1	Quyết định số 3218/QĐ-BCT ngày 11 tháng 04 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030
III.	Các văn bản thuế
1	Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006
2	Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008
3	Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12
4	Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12
IV.	Các văn bản liên quan đến hoạt động chứng khoán
1	Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 Luật chứng khoán số 62/2010/QH12
2	Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán Nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.
3	Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
4	Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 09 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán



VIII. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Phụ lục II: Điều lệ Công ty

Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2014 và năm 2015
và các Phụ lục khác (nếu có)



Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2016

TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ HUY ĐÔNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

VŨ VĂN HIỆU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ XUÂN CHIẾN

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC KHU VỰC PHÍA BẮC KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



NGUYỄN NGỌC ANH

